

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1919 /BTC-NSNN

Hà Nội, ngày 24 tháng 02 năm 2020

V/v thẩm định dự thảo Nghị quyết của UBTV
Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều và một
số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo
Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Thực hiện quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2020 và Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 của Chính phủ (theo văn bản số 98/VPCP-TH ngày 12 tháng 01 năm 2020 của Văn phòng Chính phủ), Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm.

Theo quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính xin gửi Dự thảo Nghị quyết nêu trên đến Bộ Tư pháp để thẩm định trước khi trình Chính phủ xem xét, cho phép trình Ủy ban thường vụ Quốc hội. Ý kiến thẩm định xin gửi lại Bộ Tài chính chậm nhất ngày 28 tháng 02 năm 2020 để kịp tổng hợp, trình Chính phủ.

Trân trọng./.

Tài liệu kèm theo gồm:

1. Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017
2. Dự thảo Tờ trình Chính phủ về Dự thảo Nghị quyết.
3. Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương về Dự thảo Nghị quyết.
4. Văn bản tham gia ý kiến của các Bộ, cơ quan trung ương có liên quan. ✓

Nơi nhận: 2

- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ NSNN. (6)

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Đỗ Hoàng Anh Tuấn

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2020/UBTVQH14

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2020

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
Căn cứ Luật tổ chức Quốc hội số 57/2014/QH13;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;
Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước số 81/2015/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kiểm toán nhà nước số 55/2019/QH14;
Căn cứ Luật Kế toán số 88/2015/QH13;
Căn cứ Luật quản lý nợ công số 20/2017/QH14;
Căn cứ Luật đầu tư công số 39/2019/QH14;
Căn cứ quy định tại Khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2020.
Sau khi xem xét Tờ trình số/TTr-CP ngày ... thángnăm 2020 của Chính phủ, Báo cáo thẩm tra số..... /BC-UBTCNS14 ngày ... tháng năm 2020 của Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công

trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14).

1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 như sau:

a) Bổ sung cụm từ “*vốn ngân sách nhà nước*” vào sau cụm từ “*kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia*” tại các điểm, khoản, điều có liên quan trong Nghị quyết 343.

b) Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia vốn ngân sách nhà nước

1. Căn cứ lập kế hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật đầu tư công.

2. Nội dung của kế hoạch theo quy định tại Điều 49 của Luật đầu tư công.

(Kèm theo 04 mẫu biểu, từ mẫu biểu số 05 đến số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 và Nghị quyết này).

3. Trước ngày 20 tháng 9 của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về kế hoạch giai đoạn sau để hoàn thiện, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp cuối năm đó.

4. Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ hoàn thiện kế hoạch và gửi tới Đại biểu Quốc hội khóa mới chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa mới”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 như sau:

“1. Chính phủ xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước và chi thường xuyên) đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 30 tháng 04 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước”

d) Sửa đổi, bổ sung các điểm a, b và đ khoản 1 Điều 19 như sau:

“a) Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn sau (tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội), cùng với các mẫu biểu từ số 01 đến số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch này, cùng với nội dung theo mẫu biểu số 03, số 04 ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14;

b) Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia vốn ngân sách nhà nước giai đoạn sau (tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội)

và kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa mới, cùng với các mẫu biểu từ số 05 đến số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết này; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về kế hoạch này, cùng với nội dung theo mẫu biểu số 06, số 07 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

đ) Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước, cùng với các mẫu biểu từ số 58 đến số 69 và các mẫu biểu số 71, 74, 75 ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 và Nghị quyết này; dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về quyết toán ngân sách nhà nước, cùng với nội dung theo các mẫu biểu từ số 58, 59, từ số 61 đến số 67, số 69, 71, 74 ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 và Nghị quyết này”.

đ) Sửa đổi điểm b Khoản 1 Điều 20 như sau:

“b) Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 67 của Luật đầu tư công”.

2. Sửa đổi, bổ sung nội dung các mẫu biểu từ số 05 đến số 08, số 12, 13, 22, 38, 39, 41, 50, 58, từ số 61 đến số 64, từ số 66 đến số 69, số 74 trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14.

(Chi tiết các mẫu biểu sửa đổi trong phụ lục kèm theo Nghị quyết này).

3. Áp dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là tỷ đồng khi thực hiện báo cáo đối với các mẫu biểu số 01, từ số 03 đến số 26, số 34, 35, 38, 39, 55, 56, từ số 58 đến số 61, số 63, 64, 73, 75 và 76 trong phụ lục kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 và Nghị quyết này.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng... năm 2020.

2. Việc lập, thẩm tra, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước các năm 2018, 2019 và 2020 áp dụng theo quy định của Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 và các mẫu biểu ban hành theo Nghị quyết này; riêng báo cáo quyết toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước không phải chi tiết theo ngành, lĩnh vực.

3. Chính phủ, các cơ quan liên quan của Chính phủ, Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các ủy ban khác của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Hà nội, ngày tháng năm 2020

TM. ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Kim Ngân

DANH MỤC PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết/2020/UBTVQH14 ngày / /2020 sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị Quyết số 343/2017/UBTVQH14)

Stt		NỘI DUNG
	Phần I	Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia
1	Mẫu biểu số 05:	Dự kiến phương án phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN giai đoạn 5 năm ...
2	Mẫu biểu số 06:	Tổng hợp dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN của các bộ, cơ quan Trung ương và địa phương giai đoạn 5 năm ...
3	Mẫu biểu số 07:	Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn từ năm N(1) đến năm (N+4) vốn NSTW trong nước/vốn cân đối NSDF
4	Mẫu biểu số 08:	Chi tiết dự kiến kế hoạch đầu tư trung hạn vốn nước ngoài (vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài)
	Phần II	Kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia
5	Mẫu biểu số 12	Dự kiến chi NSTW theo cơ cấu chi giai đoạn 03 năm ...
6	Mẫu biểu số 13	Dự kiến kế hoạch đầu tư vốn NSTW giai đoạn 03 năm...
	Phần thứ III	Dự toán ngân sách nhà nước
7	Mẫu biểu số 22:	Dự toán chi NSNN theo cơ cấu chi năm ...
	Phần thứ IV	Phân bổ ngân sách trung ương
8	Mẫu biểu số 38:	Dự toán chi NSNN, chi NSTW và chi NSDP theo cơ cấu chi năm ...
9	Mẫu biểu số 39:	Dự toán chi NSTW theo lĩnh vực năm ...
10	Mẫu biểu số 41:	Dự toán chi ĐTPT của NSTW cho từng Bộ, cơ quan Trung ương năm ...
11	Mẫu biểu số 50:	Dự toán bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư từ NSTW cho NSDP năm ...
	Phần V	Quyết toán ngân sách nhà nước
12	Mẫu biểu số 58:	Quyết toán cân đối NSNN năm ...
13	Mẫu biểu số 61:	Quyết toán cân đối nguồn thu chi NSTW và NSDP năm ...
14	Mẫu biểu số 62:	Quyết toán bội thu, vay bù đắp bội chi và vay trả nợ gốc của NSDP năm...
15	Mẫu biểu số 63:	Quyết toán chi NSTW theo lĩnh vực năm...
16	Mẫu biểu số 64:	Quyết toán chi NSNN, chi NSTW và chi NSDP theo cơ cấu chi năm ...
17	Mẫu biểu số 66:	Quyết toán chi đầu tư phát triển của NSTW cho từng Bộ, cơ quan Trung ương theo từng lĩnh vực năm ...

18	Mẫu biểu số 67:	Quyết toán chi thường xuyên của NSTW cho từng Bộ, cơ quan Trung ương theo từng lĩnh vực năm ...
19	Mẫu biểu số 68:	Tổng hợp quyết toán chi thường xuyên của các bộ, cơ quan trung ương năm ...
20	Mẫu biểu số 69:	Quyết toán chi bổ sung từ NSTW cho NSDP đối với từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm ...
21	Mẫu biểu số 74:	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm ...

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...			DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	BỘ, CƠ QUAN TW	ĐP	TỔNG SỐ	BỘ, CƠ QUAN TW	ĐP	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC							
1.1	Ngành, lĩnh vực							
1.2	Ngành, lĩnh vực							
...								
2	CHI ĐẦU TƯ CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
2.1	Chương trình mục tiêu quốc gia ...							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
2.2	Chương trình mục tiêu quốc gia ...							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
	<i>Vốn trong nước</i>							
	<i>Vốn nước ngoài</i>							

STT	NỘI DUNG	NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...			DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	BỘ, CƠ QUAN TW	ĐP	TỔNG SỐ	BỘ, CƠ QUAN TW	ĐP	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
III	DỰ PHÒNG THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG							
	<i>Vốn trong nước</i>							
	<i>Vốn nước ngoài</i>							
1	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG							
	Vốn trong nước							
	Vốn nước ngoài							
2	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
	Vốn trong nước							
	Vốn nước ngoài							

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N⁽¹⁾ ĐẾN NĂM (N+4) VỐN ... (2)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)		Giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)								Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...	Nhu cầu đầu tư 5 năm giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)				Dự kiến kế hoạch 5 năm giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: vốn ...	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...				
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	
TỔNG SỐ BỘ, NGÀNH/BIÊN PHƯƠNG NGÀNH, LĨNH VỰC I Ngành, lĩnh vực.... I Dự án quan trọng quốc gia 1.1 Chuẩn bị đầu tư Dự án... 1.2 Thực hiện dự án Dự án... (I) Dự án... 2 Dự án nhóm A, nhóm B, nhóm C 2.1 Chuẩn bị đầu tư Dự án... (1) Dự án... 2.2 Thực hiện dự án Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm (N-5) đến năm (N-1) sang giai đoạn từ năm N đến năm (N+4) 2.2.1 Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm (N+1) Dự án... (1) Dự án... a) Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm (N+1) Dự án... b) Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)																	

DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N-1	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N (1)	SỐ SÁNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N/DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N-1 (%)	DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH NĂM N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG					
A	BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
B	CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
II	Chi dự trữ quốc gia					
III	Chi trả nợ lãi					
IV	Chi viện trợ					
V	Chi thường xuyên					
VI	Chi cải cách tiền lương, tinh giản biên chế					
VII	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VIII	Dự phòng NSNN					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					

Ghi chú:

(1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM N-1		KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN ...		
		DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NĂM N (1)	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
1.1	Ngành, lĩnh vực ...					
1.2	Ngành, lĩnh vực ...					
...	...					
2	NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSDP					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
2.1	Ngành, lĩnh vực ...					
2.2	Ngành, lĩnh vực ...					
...	...					
II	CHI ĐẦU TƯ CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
1	Chương trình mục tiêu quốc gia ...					
	<i>Trong đó:</i>					

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM N-1		KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN ...		
		DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NĂM N (1)	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
A	B	1	2	3	4	5
	- Vốn trong nước					
	- Vốn nước ngoài					
2	Chương trình mục tiêu quốc gia ...					
	Phân loại như trên					
...	...					

Ghi chú:

(1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CƠ CẤU CHI NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM ...	DỰ TOÁN NĂM ...	SỐ SÁNH DỰ TOÁN NĂM.../DỰ TOÁN NĂM ... (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<u>TỔNG CHI NSNN</u>			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi dự trữ quốc gia			
III	Chi trả nợ lãi			
IV	Chi viện trợ			
V	Chi thường xuyên			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VII	Dự phòng NSNN			
VIII	Các nhiệm vụ chi khác			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	NSNN	CHIA RA	
			NSTW	NSDP
A	B	1=2+3	2	3
	<u>TỔNG CHI NSNN</u>			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi dự trữ quốc gia			
III	Chi trả nợ lãi			
IV	Chi viện trợ			
V	Chi thường xuyên			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VII	Dự phòng NSNN			
VIII	Các nhiệm vụ chi khác			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
	<u>TỔNG CHI NSTW</u>	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NSDP	
B	CHI NSTW THEO LĨNH VỰC	
I	Chi đầu tư phát triển	
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	
II	Chi dự trữ quốc gia	
III	Chi trả nợ lãi	
IV	Chi viện trợ	
V	Chi thường xuyên	
1	Chi quốc phòng	
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
4	Chi khoa học và công nghệ	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	
6	Chi văn hóa thông tin	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
8	Chi thể dục thể thao	
9	Chi bảo vệ môi trường	
10	Chi các hoạt động kinh tế	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
12	Chi bảo đảm xã hội	
13	Chi thường xuyên khác	
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
VII	Dự phòng ngân sách	
VIII	Các nhiệm vụ chi khác	

NGHỊ QUYẾT 343 (SỬA ĐỔI)

MẪU BIỂU SỐ 41

DỰ TOÁN CHI ĐÀU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ	
			VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC
A	B	1	2	3
	TỔNG SỐ			
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương			
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...			
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...			
3	Bộ, cơ quan Trung ương ...			
4	...			
...	...			
...	...			
II	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác do NSTW đảm bảo,...			
III	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng, ... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao			

**DỰ TOÁN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG SỐ		
		TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC
A	B	1	2	3
	<u>TỔNG SỐ</u>			
I	Vùng ...			
1	Địa phương ...			
2	Địa phương ...			
3	...			
...	...			
...	Vùng ...			
...	Địa phương ...			
...	...			
...	...			

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

ST T	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH QUYẾT TOÁN /DỰ TOÁN	
				TƯƠNG ĐỐI (%)	TUYỆT ĐỐI
A	B	1	2	3=2/1	4=2-1
A	<u>TỔNG NGUỒN THU NSNN</u>				
I	Thu NSNN				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư năm trước				
B	<u>TỔNG CHI NSNN</u>				
I	Chi NSNN				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi dự trữ quốc gia				
3	Chi trả nợ lãi				
4	Chi viện trợ				
5	Chi thường xuyên				
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
7	Dự phòng NSNN				
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
C	<u>BỘI CHI NSNN/BỘI THU NSNN (1)</u> <i>(Tỷ lệ bội chi so GDP)</i>				
1	Bội chi NSTW/Bội thu NSTW				
2	Bội chi NSDP/Bội thu NSDP (2)				
D	<u>KẾT DƯ NSNN</u>				
1	Kết dư NSTW				
2	Kết dư NSDP				
D	<u>CHI TRẢ NỢ GỐC</u>				
1	Chi trả nợ gốc NSTW <i>- Từ nguồn vay để trả nợ gốc</i> <i>- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư</i>				
2	Chi trả nợ gốc NSDP <i>- Từ nguồn vay để trả nợ gốc</i> <i>- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư</i>				
E	<u>TỔNG SỐ VAY CỦA NSNN</u>				
1	Vay để bù đắp bội chi				
2	Vay để trả nợ gốc				

Ghi chú:

(1) Bội chi NSNN bao gồm bội chi NSTW và bội chi NSDP (nếu có)

(2) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSDP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSDP

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	<u>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>			
I	Tổng nguồn thu NSTW			
1	Thu NSTW hưởng theo phân cấp <i>- Thu thuế, phí và các khoản thu khác</i> <i>- Thu từ nguồn viện trợ</i>			
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
4	Thu kết dư NSTW năm trước			
II	Tổng chi NSTW			
1	Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSDP)			
2	Chi bổ sung cho NSDP <i>- Chi bổ sung cân đối</i> <i>- Chi bổ sung có mục tiêu</i>			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
III	Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư NSTW			
IV	Bội chi NSTW/Bội thu NSTW			
V	Kết dư NSTW			
B	<u>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>			
I	Tổng nguồn thu NSDP			
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp <i>- Thu thuế, phí và các khoản thu khác</i> <i>- Thu từ nguồn viện trợ</i>			
2	Thu bổ sung từ NSTW <i>- Thu bổ sung cân đối</i> <i>- Thu bổ sung có mục tiêu</i>			
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
4	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
5	Thu kết dư NSDP năm trước			
II	Tổng chi NSDP			
1	Chi cân đối NSDP và chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW			
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
III	Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư NSDP			
IV	Bội chi NSDP/ Bội thu NSDP (1)			
1	Bội chi của các địa phương có bội chi NSDP			
2	Bội thu của các địa phương có bội thu NSDP			
V	Kết dư NSDP			

Ghi chú:

(1) Chênh lệch giữa số bội chi của các địa phương có bội chi NSDP và số bội thu của các địa phương có bội thu NSDP

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSTW			
A	CHI BỔ SUNG CHO NSDP			
I	Chi bổ sung cân đối			
II	Chi bổ sung có mục tiêu			
B	CHI NSTW THEO LĨNH VỰC			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
1.1	Chi quốc phòng			
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
1.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
1.4	Chi khoa học và công nghệ			
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình			
1.6	Chi văn hóa thông tin			
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
1.8	Chi thể dục thể thao			
1.9	Chi bảo vệ môi trường			
1.10	Chi các hoạt động kinh tế			
1.11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
1.12	Chi bảo đảm xã hội			
1.13	Chi đầu tư phát triển khác			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
II	Chi dự trữ quốc gia			
III	Chi trả nợ lãi			
IV	Chi viện trợ			
V	Chi thường xuyên			
1	Chi quốc phòng			
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội			
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
4	Chi khoa học và công nghệ			
5	Chi y tế, dân số và gia đình			
6	Chi văn hóa thông tin			
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
8	Chi thể dục thể thao			
9	Chi bảo vệ môi trường			
10	Chi các hoạt động kinh tế			
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
12	Chi bảo đảm xã hội			
13	Chi thường xuyên khác			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VII	Dự phòng NSTW			
VIII	Các nhiệm vụ chi khác			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM ...

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QUYẾT TOÁN /DỰ TOÁN (%)		
		NSNN	NSTW ⁽¹⁾	NSDP ⁽²⁾	NSNN	NSTW	NSDP	NSNN	NSTW	NSDP
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<u>TỔNG CHI NSNN</u>									
I	Chi NSNN									
1	Chi đầu tư phát triển									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học và công nghệ									
2	Chi dự trữ quốc gia									
3	Chi trả nợ lãi									
4	Chi viện trợ									
5	Chi thường xuyên									
	<i>Trong đó:</i>									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học và công nghệ									
6	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
7	Dự phòng ngân sách									
8	Các nhiệm vụ chi khác									
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau									

Ghi chú: ⁽¹⁾ Không bao gồm bổ sung cho NSDP.

⁽²⁾ Bao gồm cả bổ sung từ NSTW.

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN BỘ/VỊ	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN						TỔNG SỐ	GOM:										SỐ SÁCH QUYẾT TOÁN/DỰ TOÁN (%)			
		TRONG SỐ		TRONG BỘ		TỔNG SỐ	1. CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC										2. CHI CHƯNG TOÁN/DỰ TOÁN (%)							
		VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC		CHI QUỐC PHÒNG	CHI AN NINH VÀ TRẬT TỰ AN TOÀN XÃ HỘI	CHI GIAO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ ĐÀO NGHE		CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DAN SỔ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT TRIỂN KINH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG		CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC, BĂNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI		CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN KHÁC	TRUNG BỘ	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=8+9+...+22	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22=4/1	
	TỔNG SỐ																							
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương																							
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...																							
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...																							
...																								
II	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác do NSTW đảm bảo...																							
III	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao																							

TỔNG HỢP QUYẾT TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG NĂM

Đơn vị : Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	KINH PHÍ ĐƯỢC SỬ DỤNG TRONG NĂM	BAO GỒM					KINH PHÍ QUYẾT TOÁN TRONG NĂM	NGUỒN CÒN LẠI	TRONG ĐÓ	
			DỰ TOÁN ĐẦU NĂM	NGUỒN NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG (nếu có)	BỔ SUNG TRONG NĂM (nếu có)	GIẢM TRỪ TRONG NĂM (nếu có)	CHUYÊN NGUỒN NĂM SAU			DỰ TOÁN HỖY BỎ	
A	B	1=2+3+4-5	2	3	4	5	6	7=1-6	8	9	
	TỔNG SỐ										
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương										
1	Bộ, cơ quan Trung ương ...										
2	Bộ, cơ quan Trung ương ...										
...										
II	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp và các tổ chức khác do NSTW đảm bảo,...										
III	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao										

QUYẾT TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI VỚI TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM....

Đơn vị: triệu đồng

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	DỰ TOÁN ĐƯỢC GIAO (1)					QUYẾT TOÁN					SỐ SẴNH Q/T/DT (%)	
		TỔNG SỐ	BỔ SUNG CÂN ĐỐI	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		TỔNG SỐ	BỔ SUNG CÂN ĐỐI	BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU		TỔNG SỐ	KHÔNG KÈ BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ VỐN NGOÀI NƯỚC		
				GỒM:	GỒM:			GỒM:	GỒM:				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11=8/1	10=(6-9)/(1-4)
	TỔNG SỐ												
1	Vùng ...												
1	Địa phương ...												
2	Địa phương ...												
3	...												
...	...												
...	Vùng ...												
...	...												

Ghi chú: (1) Bao gồm dự toán đầu năm và dự toán bổ sung trong năm

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA CỦA TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG; CÁC ĐỊA PHƯƠNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			GỒM												SO SÁNH QUYẾT TOÁN/DỰ TOÁN (%)		
		TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ		TỔNG SỐ	1. CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA CHƯƠNG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA ...								
		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN		ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	THƯỜNG XUYÊN		TRONG ĐÓ			TRƯỜNG XUYÊN			TRONG ĐÓ			TRƯỜNG XUYÊN					
A	B	1-2+3	2	3	4-5+6	5-8+15+...	6-11+18+...	7-8+11	8-9+10	9	10	11-12+13	12	13	14-15+18	15-16+17	16	17	18-19+20	19	20	21
I Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương																						
1 Bộ, cơ quan Trung ương ...																						
2 Bộ, cơ quan Trung ương ...																						
...																						
II Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương																						
1 Địa phương ...																						
2 Địa phương ...																						
...																						

Số: /TTr-BTC

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2020

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

Về dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm

Kính gửi: Chính phủ

Triển khai thi hành Luật ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước (NSNN) 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ ngân sách trung ương (NSTW) và phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm (Nghị quyết 343).

Thực hiện quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2020 và chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 (sau đây gọi tắt là *Dự thảo Nghị quyết*). Bộ Tài chính xin trình Chính phủ những nội dung chủ yếu của Dự thảo Nghị quyết như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT.

1. Nghị quyết 343 là căn cứ pháp lý quan trọng quy định nhiệm vụ của Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội trong việc xây dựng, thẩm tra, cho ý kiến đối với các báo cáo về kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế

hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia, dự toán NSNN và phương án phân NSTW, quyết toán NSNN hằng năm do Chính phủ trình Quốc hội và một số nội dung khác liên quan đến NSNN¹ thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Sau 3 năm thực hiện, Nghị quyết 343 đã từng bước đi vào cuộc sống và đạt được những kết quả tích cực, góp phần quan trọng đưa công tác quản lý và sử dụng NSNN thực sự là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan, đơn vị và cơ quan quản lý, thể hiện trên các mặt:

- *Một là*: Tạo khuôn khổ pháp lý về lập, thẩm tra, quyết định các kế hoạch về tài chính, đầu tư công và dự toán, quyết toán NSNN hằng năm, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Luật Ngân sách nhà nước (2015) và Luật Đầu tư công (2014). Qua đó, tạo điều kiện cho các cơ quan của Chính phủ, Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội có sự phối hợp tốt hơn trong việc: (i) lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán NSNN và phương án phân bổ NSTW các năm 2018, 2019 và 2020; (ii) lập, thẩm tra, trình Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN các năm 2016, 2017; (iii) lập, trình Quốc hội các kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018-2020, 2019-2021 và 2020-2022.

- *Hai là*: Tiếp tục tạo chuyển biến tốt hơn trong công tác quản lý tài chính - NSNN, đảm bảo tính tập trung, thống nhất, dân chủ; tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính và công khai, minh bạch NSNN; góp phần phát triển NSNN bền vững, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

- *Ba là*: Chất lượng dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW hằng năm được cải thiện, sát hơn với tình hình thực tế. Thực hiện quy định của Nghị quyết 343, hệ thống cơ sở dữ liệu về tài chính - NSNN được cập nhật, nâng cấp với thông tin chi tiết, đầy đủ, phục vụ tốt hơn công tác lập dự toán, đánh giá, phân tích tình hình tài chính - NSNN 05 năm, 03 năm và quyết định dự toán NSNN và phân bổ NSTW hằng năm. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN, khuyến khích quản lý NSNN theo hướng chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

2. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đã đạt được, đến nay, một số quy định của Nghị quyết 343 không còn phù hợp với những quy định mới của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 (Luật Đầu tư công năm 2019) đã được Quốc hội khóa XIV ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020, thay thế Luật Đầu tư công năm 2014. Đồng thời, qua thực tế công tác xây dựng, trình Quốc hội xem xét, quyết định báo cáo dự toán NSNN và phân bổ NSTW

¹ Thẩm tra, quyết định hoặc cho ý kiến về các nội dung: phương án bổ sung dự toán số tăng thu NSNN, phương án phân bổ, sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi của NSTW; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ NSNN và chế độ chi quan trọng.

một số năm gần đây, báo quyết toán NSNN năm 2017 cho thấy một số mẫu biểu báo cáo trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 343 đã bộc lộ bất cập, hạn chế, thiếu đồng bộ, cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế. Chủ yếu là:

a) Luật đầu tư công 2019 đã: (i) quy định rõ nội dung báo cáo kế hoạch đầu tư công trung hạn Chính phủ trình Quốc hội, bao gồm: tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN, gồm vốn NSTW và vốn ngân sách địa phương (NSĐP); tổng mức vốn NSTW chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực, dự kiến mức phân bổ cho từng Bộ, cơ quan Trung ương và mức vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho ngân sách từng địa phương (*khoản 4 Điều 49*); (ii) điều chỉnh trình tự lập, trình, phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN qua 2 kỳ họp Quốc hội (*khoản 1, 2 Điều 60²*); (iii) bổ sung quy định việc Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng, tiêu chí phân bổ mức vốn đầu tư công trung hạn dự kiến cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 30 tháng 6 của năm thứ 4 nhiệm kỳ Quốc hội (*khoản 1 Điều 55*)...

Những quy định mới nêu trên đòi hỏi phải có điều chỉnh, bổ sung các nội dung có liên quan trong Nghị quyết 343 cho phù hợp.

b) Ngoài việc chưa phù hợp với quy định mới của Luật Đầu tư công 2019, một số mẫu biểu ban hành theo Nghị quyết 343 có bất cập, hạn chế chủ yếu sau:

(1) Chưa thống nhất về số lượng, nội dung mẫu biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN với số lượng, nội dung mẫu biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về dự toán NSNN và phân bổ NSTW hằng năm.

Theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, nội dung báo cáo quyết toán NSNN phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán NSNN được giao và theo mục lục NSNN (*khoản 4 Điều 65*).

Nghị quyết 343 quy định Chính phủ trình Quốc hội quyết định dự toán NSNN hằng năm cùng với 4 mẫu biểu³, quyết định phương án phân bổ NSTW hằng năm cùng với 8 mẫu biểu⁴, tổng cộng là 12 mẫu biểu; tuy nhiên, đối với phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm chỉ có 7 mẫu biểu⁵. Bên cạnh đó, một số chỉ tiêu quy định tại các mẫu biểu quyết toán NSNN cũng không thống nhất với

² Khoản 1 quy định: *tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội, Chính phủ trình Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau để Quốc hội cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật này*; khoản 2 quy định: *Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ trình Quốc hội khóa mới tại kỳ họp thứ nhất các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật này*.

³ Theo nội dung các mẫu biểu số 19, 20, 35 và 38 ban hành kèm theo Nghị quyết 343.

⁴ Theo nội dung các mẫu biểu từ số 39 đến số 43, số 44 (sử dụng đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách), hoặc số 45 (sử dụng đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách) và số 48, 57 ban hành kèm theo Nghị quyết 343.

⁵ Theo nội dung các mẫu biểu số 58, 59, từ số 61 đến số 64, số 68 ban hành kèm theo Nghị quyết 343.

nội dung mẫu biểu dự toán NSNN. Vì vậy, cần bổ sung số mẫu biểu quyết toán tương ứng với mẫu biểu dự toán và rà soát lại nội dung chỉ tiêu báo cáo để đảm bảo sự thống nhất giữa các mẫu biểu.

(2) Đơn vị tính quy định tại nhiều mẫu biểu báo cáo chưa phù hợp với tình hình thực tiễn:

Nghị quyết 343 quy định áp dụng đơn vị tính là *triệu đồng* ở 75/76 mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo. Tuy nhiên, với quy mô thu, chi NSNN hiện nay trên 1 triệu tỷ đồng và ngày càng lớn⁶, quy định này là không phù hợp khi áp dụng với các biểu báo cáo có tính tổng hợp cao như: kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia, dự toán và quyết toán NSNN, phân bổ NSTW hằng năm,... Khi đó, số liệu trên các biểu báo cáo rất cồng kềnh⁷, cần thiết phải điều chỉnh đơn vị tính (từ triệu đồng sang tỷ đồng) để tạo thuận lợi cho việc theo dõi của các Đại biểu Quốc hội, đảm bảo nguyên tắc đơn vị tiền tệ rút gọn và làm tròn số theo quy định của Luật Kế toán.

Tóm lại, để đồng bộ với quy định của pháp luật về đầu tư công và khắc phục những bất cập, hạn chế nêu trên thì việc xây dựng, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343 là cần thiết. Theo đó, tại Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 về dự toán NSNN năm 2020, Quốc hội đã giao Chính phủ: “rà soát, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19/01/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm, bảo đảm khắc phục vướng mắc trong thực tiễn và phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công” (khoản 10 Điều 3).

II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT.

Thực hiện Nghị quyết số 86/2019/QH14 của Quốc hội về việc rà soát, báo cáo Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi Nghị quyết 343, theo phân công của Chính phủ, Bộ Tài chính đã thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343 (Quyết định số 2809/QĐ-BTC ngày 08/01/2020). Đồng thời, tổ chức đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 343 và xây dựng các Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, dự thảo Tờ trình Chính phủ về Dự thảo Nghị quyết và gửi các dự thảo này xin ý kiến bằng văn bản (lần 1) các Bộ, cơ

⁶ Năm 2019, thu NSNN ước đạt 1.457,3 nghìn tỷ đồng, chi NSNN ước đạt 1.666,8 nghìn tỷ đồng; dự toán năm 2020, thu NSNN 1.512,3 nghìn tỷ đồng, chi NSNN 1.747,1 nghìn tỷ đồng.

⁷ Ví dụ: số tiền trên 100 tỷ đồng được thể hiện bằng 6 chữ số (100.000 triệu đồng), trên 1.000 tỷ đồng thể hiện bằng 7 chữ số (1.000.000 triệu đồng), trên 1 triệu tỷ đồng thể hiện bằng 10 chữ số (1.000.000.000 triệu đồng).

quan Trung ương có liên quan (Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, các Bộ: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư).

Trên cơ sở ý kiến tham gia của các Bộ, Ban soạn thảo đã họp cho ý kiến về định hướng và các nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu trong Nghị quyết 343; Tổ biên tập đã họp để tiếp thu ý kiến chỉ đạo của Ban soạn thảo, tiếp tục bổ sung, chỉnh lý các dự thảo trên và gửi xin ý kiến (lần 2) các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan.

Sau khi tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan (lần 2), Dự thảo Nghị quyết và dự thảo Tờ trình Chính phủ đã được gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp theo quy định của Luật xây dựng văn bản pháp luật.

III. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG VÀ PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT.

1. Quan điểm xây dựng Dự thảo Nghị quyết:

- Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công năm 2019.

- Kế thừa, phát huy những mặt tích cực, phù hợp với thực tiễn và khắc phục những tồn tại, hạn chế, nhất là những vướng mắc tại một số mẫu biểu báo cáo trong phụ lục đính kèm Nghị quyết 343.

- Đảm bảo khả thi trong tổ chức thực hiện; tăng cường tính tuân thủ trong thực hiện pháp luật.

2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng của Dự thảo Nghị quyết:

a) Nghị quyết 343 quy định:

(1) Phạm vi điều chỉnh đó là nhiệm vụ của: (i) Chính phủ trong việc tổ chức lập, trình Quốc hội nhiệm vụ của các cơ quan của Quốc hội trong việc thẩm tra, (ii) Kiểm toán Nhà nước trong việc tham gia thẩm tra, (iii) Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định hoặc cho ý kiến đối với các báo cáo:

- Trình Quốc hội, gồm: kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và quyết toán NSNN hằng năm (để xem xét, quyết định); kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia (để tham khảo).

- Trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội về: (i) nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ NSNN, bổ sung dự toán số tăng thu NSNN, phân bổ, sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi của NSTW (để quyết định); (ii) các chế độ chi ngân sách quan trọng, có phạm vi ảnh hưởng rộng (để cho ý kiến).

(2) Đối tượng áp dụng gồm: (i) Ủy ban thường vụ Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội (Ủy ban tài chính, ngân sách của Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Kiểm toán nhà nước); (ii) Chính phủ, các

cơ quan có liên quan của Chính phủ; (iii) Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp.

b) Dự thảo Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết 343 không có nội dung sửa đổi lớn, mà tập trung cập nhật nhưng quy định mới của Luật đầu tư công năm 2019 và sửa đổi, bổ sung để khắc phục tồn tại, hạn chế mang tính kỹ thuật, nghiệp vụ. Do vậy, không làm thay đổi phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của Nghị quyết 343.

IV. HÌNH THỨC VĂN BẢN, TÊN GỌI, BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT.

1. Hình thức của văn bản: Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

2. Tên gọi của Nghị quyết: “*Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm*”.

3. Bố cục của Dự thảo Nghị quyết:

Ngoài phần căn cứ ban hành văn bản, Dự thảo Nghị quyết có 02 Điều, gồm:

- Điều 1 quy định những nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343.

- Điều 2 quy định về điều khoản thi hành của Nghị quyết, bao gồm ngày hiệu lực và quy định chuyển tiếp đối với công tác quyết toán NSNN các năm 2018, 2019 và 2020.

Bên cạnh đó, kèm theo Dự thảo Nghị quyết có 21 mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 được sửa đổi, bổ sung nội dung.

4. Nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết.

Dự thảo Nghị quyết tập trung sửa đổi, bổ sung những nội dung chủ yếu sau:

a) Bổ sung cụm từ “*vốn ngân sách nhà nước*” vào sau cụm từ “*kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia*” tại các điểm, khoản, điều có liên quan trong Nghị quyết 343; đồng thời, sửa đổi, bổ sung nội dung một số điểm, khoản

của 4 Điều (5, 11, 19, 20) và 11 mẫu biểu có liên quan trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 để đồng bộ với những quy định mới của Luật Đầu tư công năm 2019:

(1) Sửa đổi, bổ sung Điều 5 về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm, trong đó sửa đổi các tham chiếu cho phù hợp với thay đổi về thứ tự các Điều luật; sửa đổi, bổ sung quy định về thời hạn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau; cụ thể:

“Điều 5. Lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia vốn ngân sách nhà nước

1. Căn cứ lập kế hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật đầu tư công.

2. Nội dung của kế hoạch theo quy định tại Điều 49 của Luật đầu tư công.

(Kèm theo 04 mẫu biểu, từ mẫu biểu số 05 đến số 08 ban hành kèm theo Nghị quyết này).

3. Trước ngày 20 tháng 9 của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội, Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội cho ý kiến về kế hoạch giai đoạn sau để hoàn thiện, trình Quốc hội cho ý kiến tại kỳ họp cuối năm đó.

4. Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ hoàn thiện kế hoạch và gửi tới Đại biểu Quốc hội khóa mới chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa mới”.

(2) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 11 quy định về thời hạn trình Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN, bao gồm chi đầu tư phát triển nguồn NSNN và chi thường xuyên:

- Nghị quyết 343 quy định thời hạn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội nội dung nêu trên là trước ngày 31 tháng 7 năm cuối thời kỳ ổn định trước của ngân sách địa phương.

- Theo quy định tại Khoản 1 Điều 55 Luật đầu tư công, trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng, tiêu chí phân bổ mức vốn đầu tư công trung hạn dự kiến cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

- Thực hiện quy định nêu trên của Luật đầu tư công, nhằm tạo điều kiện cho các cơ quan liên quan của Chính phủ có thời gian tiếp thu ý kiến của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để hoàn thiện nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi NSNN trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đúng thời hạn, đồng thời đồng bộ về thời hạn trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với cả nguyên tắc, tiêu

chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển nguồn NSNN (do Bộ Kế hoạch và Đầu tư trình) và nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi thường xuyên (do Bộ Tài chính chủ trì); Dự thảo Nghị quyết quy định:

“Chính phủ xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước (bao gồm chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước và chi thường xuyên) đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 30 tháng 04 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia giai đoạn trước”

(3) Sửa đổi tham chiếu tại điểm b Khoản 1 Điều 20 về việc lập lại, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia để phù hợp với thứ tự Điều trong Luật đầu tư công như sau:

“b) Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia vốn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 67 của Luật Đầu tư công”

(4) Sửa đổi nội dung chỉ tiêu về đầu tư tại 11 mẫu biểu có liên quan trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343, gồm các mẫu biểu từ số 5 đến số 8, số 12, 13, 22, 38, 39, 41 và số 50 (*chi tiết sửa đổi theo phụ lục đính kèm*).

b) Để đảm bảo nguyên tắc nội dung báo cáo quyết toán NSNN phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán NSNN được giao theo quy định tại khoản 4 Điều 65 Luật Ngân sách nhà nước; sửa đổi, bổ sung nội dung của 10 mẫu biểu quyết toán, gồm: số 58, từ số 61 đến số 64, từ số 66 đến số 69 và 74; đồng thời, sử dụng nội dung mẫu biểu số 65 thay cho mẫu biểu số 68 và lựa chọn thêm nội dung 5 mẫu biểu số 66, 67, 69, 71 và số 74 làm mẫu biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm (*chi tiết sửa đổi theo phụ lục đính kèm*).

Như vậy, tổng số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 không thay đổi, nhưng số mẫu biểu sử dụng ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về quyết toán NSNN hằng năm được nâng lên là 12 (bằng với số mẫu biểu dự toán), tăng 5 mẫu biểu so với hiện hành.

c) Áp dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là “tỷ đồng” (thay cho “triệu đồng”) đối với các mẫu biểu có tính tổng hợp cao để phù hợp với quy mô thu, chi NSNN hiện nay.

Theo quy định tại Điều 10 của Luật kế toán và quy định tại khoản 4 và 5 Điều 4 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP ngày 30/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán thì báo cáo quyết toán ngân sách được sử dụng đơn vị tiền tệ rút gọn theo nguyên tắc: *nếu có ít nhất một chỉ tiêu trên báo cáo có từ 9 chữ số trở lên thì được sử dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là nghìn đồng, có từ 12 chữ số trở lên thì được sử dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là*

triệu đồng, có từ 15 chữ số trở lên thì được sử dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là "tỷ đồng". Khi sử dụng đơn vị tiền tệ rút gọn, được làm tròn số bằng cách chữ số sau đơn vị tiền tệ rút gọn nếu bằng 5 hoặc lớn hơn thì được tăng thêm 1 đơn vị, nếu nhỏ hơn 5 thì không tính.

Căn cứ quy định trên, điều chỉnh áp dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là "tỷ đồng" khi thực hiện báo cáo đối với 40 mẫu biểu, gồm: số 01, từ số 03 đến số 26, số 34, 35, 38, 39, 55, 56, từ số 58 đến số 61, số 63, 64, 73, 75 và 76.

d) Bổ sung quy định chuyển tiếp đối với việc lập, thẩm tra, phê chuẩn quyết toán NSNN các năm 2018, 2019 và 2020:

Từ thực tế vướng mắc trong quyết toán NSNN năm 2017, Dự thảo Nghị quyết quy định: "*Việc lập, thẩm tra, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước các năm 2018, 2019 và 2020 áp dụng theo quy định của Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 và các mẫu biểu ban hành theo Nghị quyết này; riêng báo cáo quyết toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách nhà nước không phải chi tiết theo ngành, lĩnh vực*".

Quy định trên cho phép sử dụng ngay nội dung các mẫu biểu liên quan đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết này làm mẫu biểu ban hành kèm theo Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về quyết toán NSNN các năm 2018 - 2020. Tuy nhiên, do Luật Đầu tư công năm 2019 có hiệu lực thi hành từ năm 2020, nên việc phân bổ chi tiết chi đầu tư phát triển vốn NSNN các năm 2018 – 2020 theo ngành, lĩnh vực chưa được thực hiện. Do vậy, cần có điều khoản chuyển tiếp như trên.

V. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT.

Với 2 nhóm nội dung sửa đổi, bổ sung chủ yếu là: (i) Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công năm 2019; (ii) khắc phục những tồn tại, hạn chế trong phụ lục đính kèm Nghị quyết 343; Dự thảo Nghị quyết dự kiến có tác động sau:

1. Sửa đổi, bổ sung 1: Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công năm 2019

a) Xác định vấn đề bất cập: Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 được Quốc hội thông qua năm 2019, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020, với nhiều nội dung thay đổi so với Luật đầu tư công năm 2004. Do vậy, một số quy định trong Nghị quyết 343 không còn phù hợp.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công năm 2019.

c) Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề: Căn cứ quy định của Luật đầu tư công năm 2019, tiến hành rà soát lại những nội dung có liên quan trong Nghị

quyết 343, trên cơ sở đó bổ sung, sửa đổi những nội dung không còn phù hợp hoặc chưa có quy định.

d) Đánh giá tác động của giải pháp:

- *Tác động tích cực*: Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho việc lập, thẩm tra, quyết định về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, dự toán và quyết toán NSNN, báo cáo phân bổ NSTW hằng năm nói chung và cho đầu tư công nói riêng.

- *Tác động tiêu cực*: Quy trình xây dựng, trình và nội dung nhiều mẫu biểu báo cáo có thay đổi, đòi hỏi các đối tượng có trách nhiệm xây dựng báo cáo liên quan phải nghiên cứu, nắm bắt để triển khai thực hiện.

2. Sửa đổi, bổ sung 2: khắc phục những tồn tại, hạn chế trong phụ lục đính kèm Nghị quyết 343

a) Xác định vấn đề bất cập:

- Chưa đảm bảo quy định của Luật NSNN về thống nhất số lượng, nội dung mẫu biểu quyết toán NSNN với số lượng, nội dung mẫu dự toán NSNN và phân bổ NSTW hằng năm.

Nghị quyết 343 quy định Quốc hội xem xét, quyết định 12 mẫu biểu dự toán NSNN và phương án phân bổ NSTW, nhưng chỉ có 7 mẫu biểu quyết toán NSNN; có mẫu biểu có ở khâu quyết toán, nhưng không có ở khâu dự toán.

- Các mẫu biểu ban hành theo Nghị quyết 343 chủ yếu áp dụng đơn vị tính là triệu đồng (75/76 mẫu biểu). Với quy mô thu, chi NSNN hiện nay đã trên 1 triệu tỷ đồng và ngày càng lớn, thì quy định này là không phù hợp khi áp dụng với các biểu báo cáo có tính tổng hợp cao (số tiền lên tới triệu, nghìn tỷ đồng), cần thiết phải điều chỉnh đơn vị tính sang tỷ đồng để tạo thuận lợi cho việc theo dõi của các Đại biểu Quốc hội, đảm bảo nguyên tắc đơn vị tiền tệ rút gọn và làm tròn số theo quy định của Luật Kế toán.

b) Mục tiêu giải quyết vấn đề: khắc phục những hạn chế, tồn tại nêu trên.

c) Đề xuất giải pháp giải quyết vấn đề: thay thế những mẫu biểu không đảm bảo nguyên tắc thống nhất giữa quyết toán và dự toán; bổ sung 5 mẫu biểu đính kèm dự thảo Nghị quyết Quốc hội về quyết toán NSNN, nâng tổng số mẫu biểu quyết toán bằng số mẫu biểu dự toán và phân bổ NSTW; áp dụng quy định đơn vị tính tỷ đồng trong 40 mẫu biểu có tính tổng hợp cao.

d) Đánh giá tác động của giải pháp:

- *Tác động tích cực*:

+ Không làm thay đổi số lượng mẫu biểu báo cáo quy định tại Nghị quyết 343, nhưng số lượng mẫu biểu báo cáo trình kèm theo dự thảo Nghị quyết

của Quốc hội về quyết toán NSNN tăng thêm 5, đảm bảo nguyên tắc nội dung báo cáo quyết toán NSNN phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán NSNN được giao theo quy định tại khoản 4 Điều 65 Luật Ngân sách nhà nước;

+ Tạo điều kiện thuận lợi cho các Đại biểu Quốc hội khi xem xét, phê chuẩn quyết toán hằng năm; góp phần tăng cường công khai, minh bạch của NSNN.

- *Tác động tiêu cực*: Nội dung nhiều mẫu biểu có thay đổi, đòi hỏi các đối tượng có trách nhiệm lập các báo cáo liên quan phải nghiên cứu, nắm bắt để triển khai thực hiện.

VI. GIẢI TRÌNH NHỮNG VẤN ĐỀ CÒN CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU VỚI CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG.

Như đã báo cáo ở điểm 2 mục II, Dự thảo Nghị quyết đã 2 lần được gửi xin ý kiến bằng văn bản các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan (Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kiểm toán Nhà nước) để bổ sung, chỉnh lý trước khi gửi xin ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp. Những ý kiến xác đáng đã được Bộ Tài chính tiếp thu, thể hiện trong dự thảo Nghị quyết (*Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến các Bộ, cơ quan Trung ương kèm theo*).

Dưới đây, Bộ Tài chính xin báo cáo một số nội dung còn ý kiến khác nhau như sau:

1. Về việc Chính phủ trình Quốc hội quyết định dự toán chi đầu tư phát triển hằng năm

- Nghị quyết 343 quy định chi tiêu chi đầu tư phát triển trong mẫu biểu báo cáo dự toán chi NSNN theo cơ cấu chi (mẫu biểu số 22) được chi tiết theo 2 lĩnh vực là giáo dục - đào tạo, dạy nghề và khoa học công nghệ; trong mẫu biểu báo cáo phân bổ chi NSTW theo lĩnh vực (mẫu biểu số 39) được chi tiết theo các lĩnh vực giống như chi thường xuyên. Theo đó, tại các mẫu biểu báo cáo đánh giá tình hình thực hiện, quyết toán NSNN cũng có các chỉ tiêu tương tự.

- Căn cứ đề xuất của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Dự thảo Nghị quyết quy định chỉ tiêu chi đầu tư phát triển trong các mẫu biểu báo cáo dự toán, đánh giá thực hiện được chi tiết theo 2 chỉ tiêu: (i) chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực; và (ii) chi chương trình mục tiêu quốc gia; riêng đối với mẫu biểu báo cáo quyết toán chi NSTW theo lĩnh vực, chỉ tiêu chi đầu tư phát triển được chi tiết theo 13 lĩnh vực, áp dụng từ quyết toán NSNN năm 2021.

- Ý kiến Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội (bằng văn bản), Kiểm toán nhà nước (tại cuộc họp): đề nghị giữ quy định báo cáo chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực đối với chi đầu tư phát triển để đảm bảo công khai, minh bạch, đầy đủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đầu tư công.

- Bộ Tài chính giải trình như sau:

a) Quy định như Dự thảo phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công tại Khoản 4 Điều 61: “*Trước ngày 31 tháng 11 hằng năm, Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch đầu tư công vốn NSNN năm sau theo tổng mức vốn và cơ cấu vốn đã được Quốc hội quyết định cho các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương*” và Điều 67 “*đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn NSTW, việc điều chỉnh thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh*”. Đây là một quy định mới, tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động cho các Bộ, cơ quan Trung ương và Ủy ban nhân dân địa phương trong quá trình thực hiện nhằm đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm. Trên thực tế, việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công vốn NSTW những năm qua khá phổ biến, kể cả điều chỉnh vốn giữa các ngành, lĩnh vực.

Nếu giữ như quy định hiện hành (chi đầu tư phát triển chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực) thì việc điều chỉnh kế hoạch giữa các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương và giữa các lĩnh vực sẽ phải báo cáo Quốc hội cho phép, trước khi thực hiện, sẽ làm giảm sự chủ động, linh hoạt trong điều hành. Hơn nữa, từ năm ngân sách 2018 đến nay, quy định này cũng không thực hiện được (dự toán chi NSNN và phân bổ NSTW các năm 2018 – 2020, chi đầu tư phát triển chỉ có tổng mức, không chi tiết theo lĩnh vực).

Căn cứ quy định của Luật đầu tư công và thực tiễn nêu trên, kiến nghị giữ quy định như dự thảo đối với các mẫu biểu báo cáo dự toán và đánh giá thực hiện hằng năm.

b) Riêng về báo cáo quyết toán chi NSTW theo lĩnh vực, thực hiện chi tiết chi đầu tư phát triển theo lĩnh vực do: theo quy định tại khoản 5 Điều 61 Luật đầu tư công thì: “*Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, các Bộ, cơ quan Trung ương và địa phương phân bổ chi tiết mức vốn kế hoạch đầu tư vốn NSTW năm sau, danh mục, mức vốn bố trí của từng dự án cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp dưới, gửi phương án phân bổ chi tiết cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Chính phủ và theo dõi thực hiện*”.

Khi đã tổng hợp được chi tiết phân bổ cho các dự án, sẽ xác định được lĩnh vực chi của dự án và tổ chức hạch toán theo dõi tiến độ giải ngân vốn trên hệ thống quản lý chi NSNN (TABMIS), trên cơ sở đó quyết toán chi tiết số chi đầu tư phát triển theo lĩnh vực.

2. Về các mẫu biểu kèm theo báo cáo quyết toán NSNN và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về quyết toán NSNN hằng năm:

- Nghị quyết 343 quy định Chính phủ trình Quốc hội dự thảo Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm kèm theo 7 biểu phụ lục

(theo nội dung các mẫu biểu số 58, 59, từ số 61 đến số 64, số 68 ban hành kèm theo Nghị quyết 343).

- Dự thảo Nghị quyết quy định chọn nội dung mẫu biểu số 65 thay thế cho mẫu biểu số 68 làm mẫu biểu kèm theo Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm.

- Ý kiến Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội: đề nghị giữ mẫu biểu số 68 kèm theo báo cáo quyết toán NSNN và dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về quyết toán NSNN.

- **Bộ Tài chính giải trình như sau:** Mẫu biểu số 68 phục vụ báo cáo tổng hợp quyết toán chi thường xuyên của các Bộ, cơ quan Trung ương, nằm trong các mẫu biểu quyết toán NSNN hằng năm Chính phủ phải trình Quốc hội.

Tuy nhiên, việc chọn nội dung mẫu biểu 68 để làm phụ lục kèm theo Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội lại không đúng với nguyên tắc quy định tại Khoản 4 Điều 65 của Luật ngân sách nhà nước “*nội dung báo cáo quyết toán NSNN phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán NSNN được giao và theo mục lục NSNN*”, do dự toán NSNN hằng năm Quốc hội quyết định không có mẫu tương ứng. Trong khi đó, mẫu biểu số 65 có mẫu tương ứng là mẫu biểu số 40, có trong dự toán NSNN hằng năm Quốc hội quyết định.

Do vậy, kiến nghị chọn nội dung mẫu biểu số 65 thay thế cho mẫu biểu số 68 làm mẫu biểu kèm theo Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm.

VII. GIẢI TRÌNH Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP.

.....

Trên đây là những nội dung cơ bản của Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm. Bộ Tài chính xin gửi kèm theo Tờ trình này các tài liệu:

- Báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 343.

- Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội, cùng các mẫu biểu ban hành kèm theo Nghị quyết.

- Phụ lục thuyết minh những nội dung sửa đổi, bổ sung mẫu biểu báo cáo trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343.

- Bản tổng hợp, giải trình, tiếp thu ý kiến của các Bộ, cơ quan Trung ương.

Kính trình Chính phủ xem xét, cho phép trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội dự thảo Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, NSNN.

BỘ TRƯỞNG

Đình Tiến Dũng

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

Tiếp thu, giải trình ý kiến các Bộ, cơ quan Trung ương về Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19/01/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội
(Kèm theo văn bản số /BTC-NSNN ngày 18/02/2020 của Bộ Tài chính)

Thực hiện quy định tại khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 86/2019/QH14 ngày 12/11/2019 của Quốc hội về dự toán NSNN năm 2020¹; Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2020 của Chính phủ, Bộ Tài chính đã ban hành quyết định thành lập Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 ngày 19/01/2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm (*gọi tắt là Nghị quyết 343*).

Đồng thời, Bộ Tài chính đã tiến hành sơ kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 343 trong 3 năm qua, trên cơ sở đó xây dựng Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 (*gọi tắt là Dự thảo Nghị quyết*), gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan Trung ương có liên quan (Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, Bộ Tư pháp, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Kiểm toán Nhà nước) và đăng tải trên Website của Bộ Tài chính để xin ý kiến rộng rãi của các tổ chức, cá nhân.

Dưới đây, Bộ Tài chính tổng hợp, tiếp thu ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan Trung ương đối với Dự thảo Nghị quyết như sau:

¹ Trong đó Quốc hội giao Chính phủ: "rà soát, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm, bảo đảm khắc phục vướng mắc trong thực tiễn và phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước và Luật đầu tư công".

I. SỰ CẦN THIẾT, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG, BỐ CỤC CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT.

1. Sự cần thiết và quan điểm, mục tiêu xây dựng Dự thảo Nghị quyết.

Ý kiến các Bộ, cơ quan Trung ương đều nhất trí về sự cần thiết, quan điểm và mục tiêu xây dựng Dự thảo Nghị quyết để đảm bảo đồng bộ với quy định mới của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 và khắc phục những bất cập, hạn chế của một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343.

2. Về bố cục.

- Dự thảo Nghị quyết gửi xin ý kiến các Bộ, cơ quan Trung ương, ngoài phần căn cứ ban hành văn bản, có 03 Điều (*trong đó: Điều 1 quy định những nội dung sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343; Điều 2 quy định về điều khoản thi hành của Nghị quyết; Điều 3 quy định về giám sát, tổ chức thực hiện*), kèm theo 13 mẫu biểu.

Bộ Tư pháp đề nghị cân nhắc bỏ Điều 3 về giám sát, tổ chức thực hiện, vì nội dung này đã được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, việc bổ sung tại dự thảo Nghị quyết này là không cần thiết, không có giá trị gia tăng.

- *Bộ Tài chính tiếp thu:* Bỏ Điều 3 như góp ý của Bộ Tư pháp.

II. NHỮNG NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT.

1. Về phạm vi sửa đổi.

- Dự thảo Nghị quyết gửi xin ý kiến đã cập nhật các nội dung mới theo quy định của Luật đầu tư công và tập trung sửa đổi, bổ sung một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343.

- Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội đề nghị có tổng kết, đánh giá và rà soát thêm các nội dung sửa đổi cho phù hợp (không chỉ tập trung vào các mẫu biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết), kết hợp sửa đổi, bổ sung các chỉ tiêu, mẫu biểu trong thời gian tới; các mẫu biểu phải bám sát chỉ tiêu phân ngành kinh tế quốc dân để đảm bảo công khai, minh bạch và đầy đủ theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công; bổ sung thêm các mẫu biểu về kế hoạch đầu tư công, dự án quan trọng quốc gia và các mẫu biểu về chương trình mục tiêu quốc gia, bao gồm cả chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020-2025.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị sửa đổi phạm vi điều chỉnh của Dự thảo Nghị quyết liên quan đến kế hoạch đầu tư công, chỉ áp dụng đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn NSNN để phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công 2019; sửa đổi các nội dung trích dẫn các điều, khoản theo Luật Đầu tư

công 2019; điều chỉnh thời hạn Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách chi đầu tư phát triển.

- *Bộ Tài chính tiếp thu:* Bổ sung báo cáo tổng kết, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 343; kiến nghị sửa đổi, bổ sung 5 điều và 21 mẫu biểu của Nghị quyết 343 để phù hợp với những quy định mới của pháp luật về đầu tư công và khắc phục những tồn tại, hạn chế của hệ thống mẫu biểu hiện hành, đảm bảo đồng bộ giữa quyết toán và dự toán.

Đối với các mẫu biểu về kế hoạch đầu tư công, dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia đã được quy định khá đầy đủ trong Nghị quyết 343, không phải bổ sung thêm. Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư rà soát để sửa đổi, bổ sung một số chỉ tiêu trong các mẫu biểu này để đảm bảo chi tiết, minh bạch, phù hợp với quy định của Luật ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công.

2. Về báo cáo theo ngành, lĩnh vực đối với chi đầu tư phát triển.

- Dự thảo Nghị quyết gửi xin ý kiến dự kiến bỏ quy định báo cáo chi tiết theo ngành, lĩnh vực đối với chi đầu tư phát triển, để phù hợp với thực tế Quốc hội quyết định dự toán những năm vừa qua.

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư cũng đề nghị bỏ quy định báo cáo chi tiết theo ngành, lĩnh vực.

- Ủy ban Tài chính - Ngân sách, Kiểm toán Nhà nước đề nghị giữ lại quy định báo cáo chi tiết theo ngành, lĩnh vực đối với chi đầu tư phát triển để phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công 2019.

- *Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của cả 2 cơ quan:* quy định chỉ tiêu chi đầu tư phát triển trong các mẫu biểu báo cáo dự toán, đánh giá thực hiện được chi tiết theo 2 chỉ tiêu: (i) chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực; và (ii) chi chương trình mục tiêu quốc gia. Đối với mẫu biểu báo cáo quyết toán chi NSTW theo lĩnh vực, chỉ tiêu chi đầu tư phát triển được chi tiết theo 13 lĩnh vực, áp dụng từ quyết toán NSNN năm 2021.

3. Về báo cáo số thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công.

- Dự thảo Nghị quyết gửi xin ý kiến dự kiến bỏ các mẫu biểu báo cáo về số thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công do số lượng đơn vị lớn, việc tổng hợp khó khăn, số liệu không chính xác do bao gồm cả đơn vị sự nghiệp ngoài công lập ở cả Trung ương và địa phương, không thuộc phạm vi NSNN.

- Ủy ban Tài chính - Ngân sách đề nghị không bỏ các mẫu biểu thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập.

- *Bộ Tài chính tiếp thu:* Tiếp tục giữ các mẫu biểu quy định về báo cáo số thu của dịch vụ của các đơn vị sự nghiệp; tuy nhiên, phạm vi báo cáo cần thiết

điều chỉnh lại, chi bao gồm các đơn vị sự nghiệp công lập (thuộc nguồn thu NSNN).

4. Về đơn vị tính trong các mẫu biểu báo cáo.

- Dự thảo Nghị quyết quy định cho phép áp dụng đơn vị tính là “tỷ đồng” đối với các mẫu biểu báo cáo có tính tổng hợp cao, để thuận lợi trong quá trình tổng hợp, xây dựng báo cáo và theo dõi của các Đại biểu Quốc hội.

Ý kiến các Bộ, cơ quan Trung ương đều nhất trí đề xuất của Bộ Tài chính. Ủy ban Tài chính - Ngân sách đề nghị đảm bảo nguyên tắc đơn vị tiền tệ rút gọn và làm tròn số đơn vị kế toán theo quy định của Luật Kế toán năm 2015 và các văn bản hướng dẫn.

- *Bộ Tài chính tiếp thu:* Quy định rõ việc áp dụng đơn vị tiền tệ rút gọn khi thực hiện báo cáo đối với 40 mẫu biểu báo cáo trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 và Nghị quyết mới.

5. Về quy định cho phép bổ sung hoặc lược bỏ các chỉ tiêu trong các mẫu biểu báo cáo.

- Dự thảo Nghị quyết gửi xin ý kiến quy định Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, bổ sung chỉ tiêu cần thiết hoặc lược bỏ chỉ tiêu dự kiến không phát sinh trong các biểu mẫu kèm theo Nghị quyết của Quốc hội về dự toán và quyết toán NSNN.

- Ủy ban Tài chính - Ngân sách nhất trí đề xuất của Bộ Tài chính.

- Bộ Tư pháp đề nghị xác định rõ chủ thể trình là Quốc hội hay Ủy ban Thường vụ Quốc hội; ngoài ra, việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa biểu mẫu trong Nghị quyết của Quốc hội là chưa phù hợp với thẩm quyền.

- *Bộ Tài chính tiếp thu ý kiến của Bộ Tư pháp:* Bỏ quy định này.

6. Về hiệu lực thi hành.

- Điều 2 Dự thảo Nghị quyết quy định về điều khoản thi hành. Bộ Tư pháp đề nghị rà soát quy định về ngày có hiệu lực thi hành, đảm bảo phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

- *Bộ Tài chính tiếp thu:* quy định rõ ngày hiệu lực của văn bản, tuy nhiên ngày hiệu lực cụ thể được căn cứ vào ngày văn bản được ban hành và cộng thêm 45 ngày.

Trên đây là tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, cơ quan Trung ương và ý kiến tiếp thu, giải trình của Bộ Tài chính đối với Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343./.

BỘ TÀI CHÍNH

Hà Nội, ngày tháng 02 năm 2020

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm

Thực hiện Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 quy định về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước (NSNN) 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm (*dưới đây gọi tắt là Nghị quyết 343*) làm căn cứ pháp lý quy định nhiệm vụ của Chính phủ, Kiểm toán Nhà nước, Ủy ban Tài chính, ngân sách của Quốc hội, Hội đồng Dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội trong việc xây dựng, thẩm tra, cho ý kiến đối với các báo cáo về kế hoạch, dự toán, quyết toán NSNN do Chính phủ trình Quốc hội nêu trên và một số nội dung khác liên quan đến NSNN¹ thuộc thẩm quyền của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Công tác triển khai thực hiện Nghị quyết 343:

Triển khai thực hiện Nghị quyết 343, Thủ tướng Chính phủ đã chỉ đạo Bộ Tài chính phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư khẩn trương nghiên cứu, xây dựng, trình Chính phủ ban hành Nghị định số 31/2017/NĐ-CP ngày 23 tháng 3 năm 2017 ban hành quy chế lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm địa phương, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm địa phương, kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm địa phương, dự toán và phân bổ NSDP, phê chuẩn quyết toán NSDP hằng năm để thống nhất thực hiện trên cả nước, đảm bảo khớp đúng về nội dung công việc, đồng bộ, nhịp nhàng về trình tự, thời gian trình, quyết định các công việc liên quan giữa trung ương và địa phương.

Bộ Tài chính cũng đã tổ chức nhiều cuộc tập huấn, hướng dẫn nội dung, quy trình và kỹ thuật lập kế hoạch tài chính 05 năm, kế hoạch tài chính – NSNN

¹ Thẩm tra, quyết định hoặc cho ý kiến về các nội dung: phương án bổ sung dự toán số tăng thu NSNN, phương án phân bổ, sử dụng số tăng thu và tiết kiệm chi của NSTW; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ NSNN và chế độ chi quan trọng.

03 năm, dự toán NSNN hằng năm cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương, bao gồm cả nội dung, biểu mẫu quy định của Nghị quyết 343 và Nghị định số 31/2017/NĐ-CP, qua đó cập nhật và nâng cao trình độ cán bộ làm công tác quản lý tài chính – NSNN.

Căn cứ quy định của Nghị quyết 343, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban tài chính – ngân sách của Quốc hội, các cơ quan có liên quan của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước trong việc chuẩn bị: (i) các tài liệu, báo cáo của Chính phủ trình Quốc hội về kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm, dự toán NSNN và phân bổ NSTW hằng năm (bắt đầu từ năm ngân sách 2018), quyết toán NSNN năm 2017; (ii) báo cáo của Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội về sử dụng số vượt thu NSTW năm 2018.

2. Tình hình thực hiện Nghị quyết 343:

Trên cơ sở thực tiễn công tác lập kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm quốc gia các năm 2018 – 2020, 2019 – 2021 và 2020 – 2022; lập, trình Quốc hội quyết định dự toán NSNN và phân bổ NSTW từ năm 2018 đến năm 2020, quyết toán NSNN năm 2017...., Bộ Tài chính đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 343 như sau:

a. Về kết quả đạt được.

Sau 03 năm, việc thực hiện Nghị quyết 343 đã đạt được những kết quả tích cực, thể hiện trên các mặt sau:

Một là, tạo khuôn khổ pháp lý về lập, thẩm tra, quyết định các kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm, 05 năm và dự toán, phân bổ dự toán và quyết toán NSNN hằng năm, đảm bảo thống nhất, đồng bộ với Luật Ngân sách nhà nước (2015) và Luật Đầu tư công (2014).

Nghị quyết 343 quy định cụ thể quy trình, thủ tục báo cáo, hệ thống mẫu biểu và tài liệu về tài chính – NSNN trình kèm theo báo cáo, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan..., qua đó tạo điều kiện cho các cơ quan của Chính phủ, Ủy ban Tài chính, ngân sách của Quốc hội, Kiểm toán Nhà nước, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban khác của Quốc hội có sự phối hợp tốt hơn trong việc: (i) lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định dự toán NSNN và phương án phân bổ NSTW các năm 2018, 2019 và 2020; (ii) lập, thẩm tra, trình Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN các năm 2016, 2017; (iii) lập, trình Quốc hội các kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm 2018-2020, 2019-2021 và 2020-2022.

Hai là, tiếp tục tạo chuyển biến tốt hơn trong công tác quản lý tài chính - NSNN, đảm bảo tính tập trung, thống nhất, dân chủ; tăng cường kỷ cương, kỷ luật tài chính và công khai, minh bạch NSNN; góp phần phát triển NSNN bền vững, đảm bảo an ninh tài chính quốc gia.

Với việc quy định rõ nội dung công việc, thời gian lập, trình báo cáo và tài liệu có liên quan áp dụng cho từng cơ quan thuộc Chính phủ và Quốc hội; hệ

thông mẫu biểu được chỉnh lý, bổ sung đầy đủ hơn so với trước đây, nhất là các khoản chi thường xuyên, chi hỗ trợ từ NSTW cho các địa phương... đã tạo thuận lợi cho việc xem xét, thông qua dự toán và quyết toán NSNN hằng năm của Quốc hội; tạo chủ động cho Chính phủ trong việc chuẩn bị các nội dung báo cáo và tài liệu trình Quốc hội. Qua đó cũng cải thiện đáng kể công tác công khai, minh bạch thu, chi NSNN.

Ba là, chất lượng dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW hằng năm được cải thiện, sát hơn với tình hình thực tế.

Thực hiện quy định của Nghị quyết 343, hệ thống cơ sở dữ liệu về tài chính - NSNN được cập nhật, nâng cấp với thông tin chi tiết, đầy đủ, phục vụ tốt hơn công tác lập dự toán, đánh giá, phân tích tình hình tài chính - NSNN 05 năm, 03 năm và quyết định dự toán NSNN và phân bổ NSTW hằng năm. Qua đó góp phần nâng cao chất lượng công tác xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN, khuyến khích quản lý NSNN theo hướng chặt chẽ, tiết kiệm, hiệu quả.

Tóm lại, qua 03 năm thực hiện, Nghị quyết 343 đã từng bước đi vào cuộc sống, góp phần quan trọng đưa công tác quản lý và sử dụng NSNN thực sự là nhiệm vụ trọng tâm của các cơ quan chức năng và cơ quan quản lý.

b) Về tồn tại, hạn chế.

Bên cạnh những kết quả đã đạt được nêu trên, việc thực hiện Nghị quyết 343 cũng đã bộc lộ một số bất cập, hạn chế; đáng chú ý là:

(1) Quy định liên quan đến chi đầu tư công tại một số điều, khoản và chỉ tiêu báo cáo tại một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 không còn phù hợp với những quy định mới của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019 đã được Quốc hội khóa XIV ban hành, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2020 (*Luật Đầu tư công 2019*), cụ thể:

- Về phạm vi điều chỉnh, tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 343 quy định nhiệm vụ Chính phủ trong việc tổ chức lập, trình Quốc hội quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia.

Theo quy định của Luật Đầu tư công 2019 (khoản 3 Điều 46), kế hoạch đầu tư công phân theo nguồn vốn đầu tư bao gồm kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương, kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương và kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập để đầu tư; đồng thời, Luật quy định rõ phạm vi Quốc hội xem xét, quyết định đối với tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn NSNN, bao gồm ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (khoản 2 Điều 60).

Vì vậy, phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 343 nêu trên liên quan đến kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, cần bổ sung quy định rõ hơn để đồng bộ với quy định của Luật Đầu tư công 2019.

- Tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 343 quy định thời hạn Chính phủ trình kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia đến Ủy ban Thường vụ Quốc hội là trước ngày 20 tháng 9, cùng với thời điểm trình dự toán NSNN năm đầu kỳ kế hoạch; khoản 2 Điều 16 quy định thời gian Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia trước ngày 30 tháng 9, cùng với thời điểm cho ý kiến về dự toán NSNN năm đầu thời kỳ kế hoạch.

Theo quy định của Luật Đầu tư công 2019 (Điều 60), thì trình tự trình, quyết định kế hoạch này qua 2 kỳ họp Quốc hội: *Tại kỳ họp cuối năm của năm thứ 5 nhiệm kỳ Quốc hội, Chính phủ trình Quốc hội về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn sau để Quốc hội cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật này; khoản 2 quy định: Trên cơ sở ý kiến của Quốc hội khóa trước, Chính phủ trình Quốc hội khóa mới tại kỳ họp thứ nhất các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật này.*

Vì vậy, quy định về thời hạn trình và cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công 05 năm quốc gia quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị quyết 343 không phù hợp với quy định mới của Luật Đầu tư công 2019.

- Một số quy định tham chiếu về căn cứ lập kế hoạch, nội dung kế hoạch, lập lại và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia tại các Điều 5 và 20 của Nghị quyết 343 không còn phù hợp do thứ tự các điều của Luật Đầu tư công 2019 đã thay đổi.

- Về thời hạn Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ chi đầu tư phát triển nguồn NSNN, tại khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 343 quy định: *Chính phủ xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ NSNN (bao gồm chi đầu tư phát triển nguồn NSNN và chi thường xuyên) đối với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương, các tỉnh và thành phố trực thuộc trung ương năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách địa phương; trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước ngày 31 tháng 7 năm cuối thời kỳ ổn định trước của ngân sách địa phương.*

Theo quy định tại khoản 1 Điều 55 Luật Đầu tư công 2019: *Trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng, tiêu chí phân bổ mức vốn đầu tư công trung hạn dự kiến cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương.*

Tuy nhiên, căn cứ để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tiêu chí, định mức phân bổ mức vốn đầu tư công trung hạn phải trên cơ sở các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ NSNN được Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định theo quy định tại khoản 5 Điều 20 Luật Ngân sách nhà nước.

Vì vậy, cần thiết điều chỉnh lại quy định thời hạn Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ NSNN (bao gồm chi đầu tư phát triển nguồn NSNN và chi thường xuyên) cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương tại Nghị quyết 343 cho phù hợp.

- Bên cạnh đó, các chỉ tiêu báo cáo về đầu tư tại một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 cũng không phù hợp với những quy định mới của Luật đầu tư công 2019 (như: yêu cầu kế hoạch đầu tư công trung hạn phải phân chi tiết theo ngành, lĩnh vực theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; không quy định báo cáo Quốc hội kế hoạch đầu tư công các chương trình mục tiêu).

(2) Một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 343 đã bộc lộ bất cập, hạn chế cần được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan và tình hình thực tế. Cụ thể:

- Chưa đảm bảo sự thống nhất về nội dung, số lượng báo cáo quyết toán NSNN với nội dung, số lượng báo cáo dự toán NSNN được cấp thẩm quyền quyết định theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước:

Theo quy định, Chính phủ trình Quốc hội quyết định dự toán NSNN hằng năm cùng với 4 mẫu biểu², quyết định phương án phân bổ NSTW hằng năm cùng với 8 mẫu biểu³, tổng cộng là 12 mẫu biểu; tuy nhiên, đối với phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm chỉ có 7 mẫu biểu⁴. Bên cạnh đó, có chỉ tiêu quy định tại các mẫu biểu quyết toán NSNN không thống nhất với nội dung mẫu biểu dự toán NSNN.

- Đơn vị tính quy định tại nhiều mẫu biểu báo cáo chưa phù hợp với tình hình thực tiễn:

Nghị quyết số 343 quy định 75/76 mẫu biểu báo cáo sử dụng đơn vị tính triệu đồng. Tuy nhiên, với quy mô thu, chi NSNN hiện nay trên 1 triệu tỷ đồng và ngày càng lớn⁵, các biểu báo cáo có tính tổng hợp cao như: kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia, dự toán và quyết toán NSNN, phân bổ NSTW... thì số liệu trên các mẫu biểu rất cồng kềnh⁶, không thuận lợi cho việc theo dõi của các Đại biểu Quốc hội.

(3) Nguyên nhân của tồn tại, hạn chế chủ yếu do:

- Sửa đổi, thay thế Luật đầu tư công.

² Theo nội dung các mẫu biểu số 19, 20, 35 và 38 ban hành kèm theo Nghị quyết 343.

³ Theo nội dung các mẫu biểu từ số 39 đến số 43, số 44 (sử dụng đối với năm đầu thời kỳ ổn định ngân sách), hoặc số 45 (sử dụng đối với các năm trong thời kỳ ổn định ngân sách) và số 48, 57 ban hành kèm theo Nghị quyết 343.

⁴ Theo nội dung các mẫu biểu số 58, 59, từ số 61 đến số 64, số 68 ban hành kèm theo Nghị quyết 343

⁵ Năm 2019, thu NSNN ước đạt 1.457,3 nghìn tỷ đồng, chi NSNN ước đạt 1.666,8 nghìn tỷ đồng; dự toán năm 2020, thu NSNN 1.512,3 nghìn tỷ đồng, chi NSNN 1.747,1 nghìn tỷ đồng.

⁶ Quy định đơn vị tính triệu đồng làm cho số tiền trên 100 tỷ đồng được thể hiện bằng 6 chữ số, trên 1.000 tỷ đồng thể hiện bằng 9 chữ số, trên 1 triệu tỷ đồng thể hiện bằng 12 chữ số.

- Chưa lường hết các yếu tố phát sinh trong tổ chức thực hiện, còn một số mẫu biểu không hợp lý.

- Điều kiện kỹ thuật không cho phép tổng hợp số liệu, nhất là các mẫu biểu phức tạp.

II. ĐỊNH HƯỚNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG NGHỊ QUYẾT 343.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên, việc xây dựng, trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều và một số mẫu biểu trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 (Dự thảo Nghị quyết) là cần thiết.

1. Quan điểm sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343.

(1) Đảm bảo phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật đầu tư công 2019.

(2) Tập trung khắc phục những vướng mắc của hệ thống mẫu biểu báo cáo trong phụ lục đính kèm Nghị quyết 343, đảm bảo khả thi trong tổ chức thực hiện.

2. Định hướng nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343.

a) Rà soát, cập nhật vào các điều, khoản và mẫu biểu báo cáo trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 những quy định mới của Luật Đầu tư công 2019 có liên quan. Theo đó sẽ:

- Bổ sung cụm từ “*vốn ngân sách nhà nước*” vào sau cụm từ “*kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia*” tại các điểm, khoản, điều có liên quan trong Nghị quyết 343.

- Sửa đổi, bổ sung quy định tại một số điểm, khoản của 4 Điều (*gồm: Điều 5, 11, 19 và 20*), liên quan đến: (i) trình tự, thời hạn xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội và thời hạn Ủy ban Thường vụ Quốc hội cho ý kiến về kế hoạch đầu tư công trung hạn; (ii) thời hạn lập lại kế hoạch đầu tư công trung hạn (trong trường hợp cần thiết); (iii) thời hạn Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội quyết định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ NSNN (bao gồm chi đầu tư phát triển nguồn NSNN và chi thường xuyên).

- Sửa đổi nội dung chỉ tiêu báo cáo có liên quan tại 11 mẫu biểu trong phụ lục ban hành theo Nghị quyết 343 (gồm các mẫu biểu từ số 5 đến số 8, số 12, 13, 22, 38, 39, 41 và số 50).

b) Rà soát, sửa đổi 10 mẫu biểu quyết toán để phù hợp với mẫu biểu dự toán và sử dụng nội dung mẫu biểu số 65 thay cho mẫu biểu số 68 làm phụ lục đính kèm Nghị quyết của Quốc hội về quyết toán NSNN, đảm bảo nguyên tắc “*nội dung báo cáo quyết toán NSNN phải theo đúng các nội dung ghi trong dự toán NSNN được giao*” quy định tại khoản 4 Điều 65 Luật Ngân sách nhà nước. Bên cạnh đó, lựa chọn thêm nội dung của 5 mẫu biểu (trong số các mẫu biểu

quyết toán Chính phủ trình Quốc hội trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343) làm mẫu biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm, nâng tổng số mẫu biểu quyết toán kèm theo dự thảo Nghị quyết của Quốc hội là 12 (bằng với số mẫu biểu dự toán).

c) Áp dụng đơn vị tiền tệ rút gọn là “*tỷ đồng*” theo quy định của Luật Kế toán đối với 40 mẫu biểu báo cáo⁷ có tính tổng hợp cao trong phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết 343 để phù hợp với quy mô thu, chi NSNN hiện nay.

d) Quy định điều khoản chuyển tiếp đối với việc lập, thẩm tra, phê chuẩn quyết toán NSNN các năm 2018, 2019 và 2020 để phù hợp với dự toán NSNN Quốc hội đã quyết định .

Trên đây là đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết 343 và những đề xuất và định hướng sửa đổi, bổ sung Nghị quyết này./.

BỘ TÀI CHÍNH

⁷ Gồm các mẫu biểu số 1, từ số 3 đến số 26, số 34, 35, 38, 39, 55, 56, từ số 58 đến số 61, số 63, 64, 73, 75, 76.



NSNN

**QUỐC HỘI KHOÁ XIV
ỦY BAN TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1842/UBTCNS14
V/v góp ý vào Dự thảo Nghị quyết thay
thế Nghị quyết số 343/2017/NQ-
UBTVQH14 của UBTVQH

Hà Nội, ngày 03 tháng 01 năm 2020

BỘ TÀI CHÍNH
NGÀY ĐẾN 07-01-2020
SỐ QUẢN 0002375

Kính gửi: Bộ Tài chính,

Trả lời Công văn số 15485/BTC-NSNN ngày 19/12/2019 của Bộ Tài chính về việc đề nghị góp ý vào Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW, phê chuẩn quyết toán NSNN hàng năm (thay thế Nghị quyết số 343/2017/NQ-UBTVQH11 ngày 19/1/2017 của UBTVQH), Thường trực Ủy ban Tài chính - Ngân sách có ý kiến như sau:

1. Về cơ bản, nhất trí với nhiều nội dung trong Dự thảo Tờ trình, Dự thảo Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết 343/2017/NQ-UBTVQH11 của UBTVQH đã gửi lấy ý kiến.

2. Để nâng cao chất lượng các Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết của UBTVQH, Thường trực Ủy ban TCNS tham gia bổ sung như sau:

2.1. Phân đánh giá kết quả thực hiện

Đề nghị nhấn mạnh như sau:

a. Kết quả đạt được

(1) Nghị quyết 343 được ban hành đã khắc phục các hạn chế của Nghị quyết 387 như về quy trình, thủ tục báo cáo, tài liệu trình kèm theo báo cáo, trách nhiệm của các cơ quan có liên quan, hệ thống mẫu biểu, thông tin tài chính - ngân sách... và bổ sung quy định mới để bảo đảm thống nhất với Luật NSNN năm 2015.

(2) Đã tạo hệ thống cơ sở dữ liệu ngân sách chi tiết, đầy đủ, sát thực tế hơn và tích cực phục vụ cho việc lập dự toán, đánh giá, phân tích tình hình NSNN 5 năm, 3 năm và hằng năm.

(3) Tính công khai, minh bạch về NSNN đã rõ ràng hơn, nhất là các mục chi thường xuyên, chi hỗ trợ bổ sung cân đối, chi hỗ trợ có mục tiêu của NSTW cho NSDP.

(4) Hệ thống biểu mẫu đã được bổ sung nhiều và khá đầy đủ so với trước đó. Về cơ bản, tạo cơ sở thuận lợi cho việc lập và đánh giá các báo cáo về

NSNN theo Luật NSNN.

b. Tồn tại, hạn chế

Cơ bản nhất trí với các tồn tại trong Dự thảo Tờ trình. Tuy nhiên, đề nghị xem xét thêm các tồn tại sau:

- Hệ thống biểu mẫu và chỉ tiêu chưa bao quát đầy đủ các mẫu biểu về Kế hoạch đầu tư công 5 năm và hằng năm.

- Trong tổ chức thực hiện, còn có một số mẫu biểu và chỉ tiêu về dự toán NSNN, phân bổ vốn ĐTPT nguồn NSTW hằng năm không được lập, báo cáo UBTVQH, Quốc hội theo đúng quy định của Nghị quyết 343 do tính phức tạp và không hợp lý của một số biểu mẫu.

- Thiếu hướng dẫn chi tiết một số mẫu biểu để thể hiện thống nhất số liệu dự toán NSNN và quyết toán NSNN, dẫn đến một số vướng mắc xảy ra khi xử lý quyết toán NSNN năm 2017 sau khi Quốc hội đã phê duyệt.

c. Về nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

Đề nghị đánh giá, phân tích kỹ hơn các nguyên nhân tồn tại, trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết số 343/2017/NQ-UBTVQH11 của UBTVQH.

2.2. Về nội dung Dự thảo Nghị quyết sửa đổi Nghị quyết số 343

- Về phạm vi sửa đổi: Việc sửa đổi mới chỉ tập trung vào các bảng biểu kèm theo Nghị quyết. Đề nghị có tổng kết, đánh giá và rà soát thêm các nội dung sửa đổi cho phù hợp, kết hợp với sửa đổi, bổ sung các chỉ tiêu, mẫu biểu trong thời gian tới.

- Về các chỉ tiêu phân loại NSNN:

+ Đối với đơn vị tính: Cơ bản đồng ý với đề xuất, nhưng đề nghị bảo đảm nguyên tắc đơn vị tiền tệ rút gọn và làm tròn số đơn vị kế toán theo quy định của Luật Kế toán năm 2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

+ Đề nghị các mẫu biểu phải bám sát chỉ tiêu theo phân ngành kinh tế quốc dân để bảo đảm công khai, minh bạch và đầy đủ theo quy định của Luật NSNN, Luật Đầu tư công.

+ Đồng ý rà soát bổ sung hoặc loại bỏ các chỉ tiêu thông tin không phát sinh nội dung kinh tế, về chuyển nguồn, về bội chi, bội thu NSDP trong một số biểu mẫu.

+ Đề nghị giữ lại quy định chi tiết theo lĩnh vực đối với chi đầu tư phát triển để phù hợp với quy định Luật NSNN và Luật Đầu tư công. (Chi tiết tại các biểu: 18, 22, 25, 26, 38, 39...). Cần sửa đổi để bảo đảm chi tiết, minh bạch hơn.

+ Không nên bỏ các mẫu biểu thu dịch vụ của đơn vị sự nghiệp công lập (34, 56,75). Nếu trên thực tế, việc thực hiện quy định này chưa tốt thì cần bổ sung, quy định rõ chế tài xử lý vi phạm.

+ Đề nghị giữ Mẫu biểu số 68 kèm theo Báo cáo quyết toán NSNN và Dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về quyết toán NSNN. Tuy nhiên, cần nghiên cứu để bảo đảm logic hàng ngang, cột dọc.

+ Các Biểu số liệu về Dự toán NSNN có thể không quy định nội dung thu, chi chuyển nguồn, nhưng tại các biểu đánh giá tình hình thực hiện, đề nghị cân nhắc, nên thể hiện nội dung này để phản ánh tình hình dự ước thực hiện trong năm ngân sách, theo đúng nội dung đã được quy định tại Luật NSNN và Luật ĐTC¹.

+ Đề nghị nghiên cứu bổ sung: (1) Các mẫu biểu về kế hoạch đầu tư công, dự án quan trọng quốc gia; (2) Các mẫu biểu về chương trình mục tiêu quốc gia, bao gồm cả các chương trình mục tiêu quốc gia về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2020-2025.

Trên đây là một số ý kiến bước đầu của Thường trực Ủy ban TCNS về Dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Quy chế lập, thẩm tra, trình Quốc hội quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW, phê chuẩn quyết toán NSNN hàng năm (thay thế Nghị quyết số 343/2017/NQ-UBTVQH14 ngày 19/1/2017 của UBTVQH).

Xin gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, tham khảo nghiên cứu.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ nhiệm UBTCNS (để b/c)
- Thường trực UBTCNS (để biết);
- Lãnh đạo Vụ TCNS;
- Lưu: TCNS, HC;
- E pas: 605

**TM. ỦY BAN TÀI CHÍNH – NGÂN SÁCH
CHỦ NHIỆM**



Nguyễn Đức Hải

¹ Điểm p Khoản 1 Điều 35, Khoản 8 Điều 36, Khoản 4 Điều 37 và Khoản 5 Điều 38 của Luật NSNN năm 2015 quy định có khoản thu, chi này. Bên cạnh đó, theo quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật ĐTC sửa đổi, vẫn có trường hợp bất khả kháng, các dự án sử dụng vốn đầu tư công được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm sau.



BỘ TƯ
pháp
13.02.202
0 15:24:02
+07:00

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 430 /BTP-PLDSKT
V/v tham gia ý kiến về dự thảo Nghị
quyết của UBTVQH sửa đổi, bổ sung
Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14

Hà Nội, ngày 13 tháng 2 năm 2020

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 1010/BTC-NSNN ngày 03/02/2020 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19/01/2017 về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

Ngày 13/1/2020, Bộ Tư pháp đã có Công văn số 134/BTP-PLDSKT góp ý dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19/01/2017 về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm. Đề nghị Bộ Tài chính tiếp thu, hoàn thiện đối với các nội dung này. Ngoài ra, đối với dự thảo Nghị quyết mới, đề nghị cân nhắc bỏ Điều 3 dự thảo Nghị quyết về giám sát, tổ chức thực hiện vì nội dung này đã được quy định cụ thể tại các văn bản quy phạm pháp luật khác, trong đó có Luật Tổ chức Quốc hội, việc bổ sung tại dự thảo Nghị quyết này là không cần thiết, không có giá trị gia tăng.

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19/01/2017 về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm, xin gửi Bộ Tài chính để tham khảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTT, Trang).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Phan Chí Hiếu



Bộ Tư pháp
14.01.2020
15:52:10

BỘ TƯ PHÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 134 /BTP-PLDSKT

Hà Nội, ngày 13 tháng 01 năm 2020

V/v tham gia ý kiến về dự thảo Nghị quyết của UBTVQH sửa đổi bổ sung Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14

Kính gửi: Bộ Tài chính

Trả lời Công văn số 15485/BTC-NSNN ngày 19/12/2019 của Bộ Tài chính về việc tham gia ý kiến về dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19/01/2017 về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch - tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm, Bộ Tư pháp có ý kiến như sau:

I. Về sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện Luật Ngân sách Nhà nước 2015, Ủy ban thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14. Khoản 10 Điều 3 Nghị quyết số 86/2019/QH14 đã giao Chính phủ "*Rà soát, báo cáo Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét, sửa đổi Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 01 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, kế hoạch tài chính, ngân sách 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm, bảo đảm khắc phục vướng mắc trong thực tiễn và phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Luật Đầu tư công*". Vì vậy, việc xây dựng Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 343/2017/NQUBTVQH 14 là cần thiết.

II. Về dự thảo Tờ trình Nghị quyết

Dự thảo Tờ trình còn sơ sài, đề nghị hoàn thiện lại theo đúng quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Cụ thể, dự thảo Tờ trình phải nêu rõ sự cần thiết ban hành văn bản; đối tượng, phạm vi điều chỉnh của văn bản; quá trình soạn thảo và lấy ý kiến các cơ quan, tổ chức, cá nhân; những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; giải trình nội dung cơ bản của văn bản, trong đó nêu rõ mục tiêu và các vấn đề chính sách cần giải quyết, các phương án giải quyết vấn đề, các tác động tích cực và tiêu cực của các phương án trên cơ sở phân tích định tính hoặc định lượng về chi phí và lợi ích, nêu rõ phương án lựa chọn tối ưu để giải quyết vấn đề.

III. Về nội dung dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết không có nội dung sửa đổi lớn mà chủ yếu là các sửa đổi mang tính kỹ thuật, nghiệp vụ. Bộ Tư pháp không có ý kiến về vấn đề này. Tuy nhiên, đề nghị Bộ Tài chính rà soát nội dung dự thảo Nghị quyết với Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Kế toán, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Kiểm toán Nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống văn bản quy phạm pháp luật. Trong đó lưu ý:

1. Điều 2 dự thảo Nghị quyết quy định “*Nghị quyết có hiệu lực thi hành kể từ ngày ban hành*” là chưa phù hợp với Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Khoản 1 Điều 151 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định “*thời điểm có hiệu lực của toàn bộ hoặc một phần văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại văn bản đó nhưng không sớm hơn 45 ngày kể từ ngày thông qua hoặc ký ban hành đối với văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước trung ương*”.

2. Khoản 6 Điều 1 dự thảo Nghị quyết quy định “*căn cứ các chỉ tiêu quy định trong các biểu mẫu báo cáo ban hành kèm theo Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 và Nghị quyết này, và tình hình thực tiễn, Chính phủ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội xem xét, bổ sung chỉ tiêu cần thiết hoặc lược bỏ chỉ tiêu dự kiến không phát sinh nội dung kinh tế trong các biểu mẫu kèm theo Nghị quyết của Quốc hội về dự toán và quyết toán ngân sách nhà nước*”. Đề nghị xác định rõ chủ thể trình là Quốc hội hay Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Ngoài ra, việc Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa biểu mẫu trong Nghị quyết của Quốc hội là chưa phù hợp thẩm quyền.

3. Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, chỉnh sửa lại nội dung dự thảo Nghị quyết để bảo đảm chuẩn xác về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH ngày 14/3/2017 quyết định về thể thức kỹ thuật trình bày văn bản quy phạm pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chủ tịch nước.

IV. Về trình tự soạn thảo văn bản

Trong quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo tuân thủ đầy đủ các thủ tục, trình tự soạn thảo văn bản theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật 2015 và Nghị định số 34/2016/NĐ-CP. Theo đó, đề nghị cơ quan soạn thảo tổ chức họp Ban soạn thảo, Tổ biên tập để thông qua chủ trương, chính sách lớn của dự thảo Nghị quyết; cơ quan chủ trì soạn thảo phải lấy ý kiến bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của văn bản; nêu những vấn đề cần xin ý kiến và xác định cụ thể địa chỉ tiếp nhận ý kiến góp ý...

Trên đây là ý kiến của Bộ Tư pháp về dự thảo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19/1/2017 về lập, thẩm tra, quyết định kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, kế hoạch - tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm quốc gia, dự toán ngân sách nhà nước, phương án phân bổ ngân sách trung ương, phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước hằng năm, xin gửi Bộ Tài chính để tham khảo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ (để biết);
- Lưu: VT, Vụ PLDSKT (PLKTTH, Trang).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phan Chí Hiếu



Người ký: Bộ Kế hoạch và
Đầu tư
Email:
vanphongbo@mpi.gov.vn
Cơ quan: Bộ Kế hoạch và
Đầu tư
Thời gian ký: 22.01.2020
Số: 407/2020/QĐ-BCP

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **407** /BKHĐT-TH
V/v có ý kiến đối với dự thảo Tờ
trình của Chính phủ và cử công chức
tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên
tập Nghị quyết sửa đổi, bổ sung
Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14
ngày 19/11/2017 của Ủy ban
Thường vụ Quốc hội

Hà Nội, ngày **20** tháng **01** năm **2020**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp văn bản số 15485/BTC-NSNN ngày 19 tháng 12 năm 2019 của Bộ Tài chính về việc có ý kiến đối với dự thảo Tờ trình của Chính phủ và cử công chức tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Quý Bộ ý kiến tham gia vào Dự thảo Tờ trình và cử công chức tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên tập như sau:

I. Về nội dung Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Ý kiến tham gia chung

1.1. Nội dung Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung

Một trong những căn cứ để ban hành Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 là Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13, tuy nhiên ngày 13/6/2019 Quốc hội đã thông qua Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 có hiệu lực từ ngày 01/01/2020 thay thế cho Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13. Nhưng trong Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 mới chỉ tập trung vào việc sửa đổi, bổ sung các biểu mẫu đã ban hành mà chưa có nội dung sửa đổi các Điều, Khoản, điểm để phù hợp với Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

1.2. Phạm vi điều chỉnh

Tại Khoản 1 Điều 1 Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 quy định nhiệm vụ của Chính phủ trong việc tổ chức lập; nhiệm vụ của các cơ quan của Quốc hội trong việc thẩm tra; nhiệm vụ của Kiểm toán nhà nước trong việc trình Quốc hội và tham gia xem xét, thẩm tra cùng với các cơ quan của Quốc hội, Chính phủ;

Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định hoặc cho ý kiến đối với báo cáo *kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia*.

Tuy nhiên theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, kế hoạch đầu tư công theo nguồn vốn đầu tư bao gồm: Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương; Kế hoạch đầu tư vốn ngân sách địa phương; Kế hoạch đầu tư vốn từ nguồn thu hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư (Khoản 3 Điều 46). Trong đó, Quốc hội xem xét, quyết định đối với "*tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước, bao gồm vốn ngân sách trung ương, vốn ngân sách từng địa phương*" (Khoản 2 Điều 60); các Bộ, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Chính phủ, Quốc hội đối với "*kế hoạch trung hạn và hằng năm vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư*" (Khoản 4 Điều 59).

Như vậy, phạm vi của Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 chỉ nên quy định áp dụng đối với kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước để phù hợp theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14.

2: Ý kiến cụ thể

2.1. Về sửa đổi phạm vi điều chỉnh của Nghị quyết liên quan đến Kế hoạch đầu tư công để phù hợp theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14

Phần tên gọi của Nghị quyết; tiêu đề, nội dung của các Điều 5, Điều 14, Điều 16, Điều 18, Điều 19, Điều 20 đề nghị thay thế cụm từ "*kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia*" bằng cụm từ "*kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước*".

2.2. Về sửa đổi các nội dung trích dẫn theo Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14

- Tại khoản 1 Điều 5 đề nghị sửa đổi: "*Căn cứ lập kế hoạch theo quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật Đầu tư công*".

- Tại khoản 2 Điều 5 đề nghị sửa đổi: "*Nội dung của kế hoạch theo quy định tại Điều 49 của Luật Đầu tư công*".

- Tại điểm b) khoản 1 Điều 20 đề nghị sửa đổi: "*kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 67 của Luật Đầu tư công*".

2.3 Về thời hạn Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 55 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 *"trước ngày 30 tháng 6 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt định hướng, tiêu chí phân bổ mức vốn đầu tư công trung hạn dự kiến cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương"*.

Tuy nhiên căn cứ để trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tiêu chí, định mức phân bổ là Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội theo quy định khoản 5 Điều 20 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 như trong giai đoạn 2016-2020 và quá trình triển khai giai đoạn 2021-2025 hiện nay.

Do vậy Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 đề nghị sửa đổi, quy định cụ thể đối với việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước như sau: *"Chính phủ xây dựng, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 30 tháng 4 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước"*.

II. Về nội dung Dự thảo Tờ trình của Chính phủ

Về cơ sở thực tiễn đề sửa đổi mẫu biểu số 18 (trang 5 và 6 dự thảo Tờ trình): Theo quy định tại Khoản 2 Điều 49 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 *"Việc phân loại theo ngành, lĩnh vực được thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước"*, do vậy đề nghị đánh giá, nghiên cứu lại việc điều chỉnh biểu mẫu nêu trên cho phù hợp.

III. Về cử công chức tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

1. Ông Đỗ Thành Trung - Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân.

Điện thoại: 0961.633.399

Tham gia Ban soạn thảo.

2. Ông Vũ Đức Quân - Chuyên viên Vụ Tổng hợp kinh tế quốc dân.

Điện thoại: 0966.158.999

Tham gia Tổ biên tập.

Trên đây là ý kiến đối với với dự thảo Tờ trình của Chính phủ và cử công chức tham gia Ban soạn thảo và Tổ biên tập Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp./

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, Vụ TH₀₃

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Quốc Phương



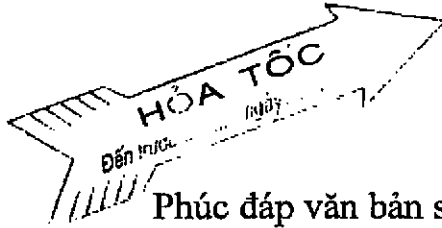
**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ - CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM -
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 361/BKHĐT-TH

Hà Nội, ngày 18 tháng 02 năm 2020

V/v tham gia ý kiến đối với Nghị
quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết
343/2017/UBTVQH14 ngày
19/11/2017 của Ủy ban Thường vụ
Quốc hội (lần 2)

BỘ TÀI CHÍNH
NGÀY ĐẾN 19-02-2020
SỐ CV ĐẾN: 0014781



Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp văn bản số 1010/BTC-NSNN ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Bộ Tài chính về việc có ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, để tiếp tục hoàn thiện dự thảo Nghị quyết đã được Bộ Tài chính bổ sung, chỉnh lý trên cơ sở ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị và ý kiến của đại biểu tại cuộc họp Ban soạn thảo ngày 31/01/2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến tham gia vào dự thảo Nghị quyết như sau:

I. Nội dung dự thảo Nghị quyết

Ngày 20 tháng 01 năm 2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có văn bản số 407/BKHĐT-TH về việc tham gia ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 11 năm 2017, về cơ bản tại dự thảo Nghị quyết lần này, đối với những ý kiến tham gia của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã được tiếp thu. Tuy nhiên, về quy định thời hạn Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước, trong dự thảo Nghị quyết lần này vẫn chưa được điều chỉnh, bổ sung.

Do vậy, để đảm bảo thực hiện được theo quy định tại Khoản 1 Điều 55 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị sửa đổi, quy định cụ thể đối với việc ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 như sau: "*Chính phủ xây dựng, trình Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương trước ngày 30 tháng 4 năm thứ tư của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn trước*".

II. Mẫu biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết

1. Quan điểm chung về việc điều chỉnh, bổ sung nội dung trong các mẫu biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết liên quan đến đầu tư công

1.1. Đối với cơ cấu chi đầu tư phát triển

Tại các mẫu biểu liên quan đến chi đầu tư phát triển ban hành kèm theo Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14: Chi đầu tư phát triển đang được trình bày bao gồm 3 nội dung: Các khoản đầu tư chung; Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực; Dự phòng theo quy định của Luật đầu tư công.

Theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 và dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng không có quy định về "*Các khoản đầu tư chung*". Đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án liên quan đến "*Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các đối tượng chính sách khác theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn*" đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, dự thảo thuộc ngành, lĩnh vực thứ 13 (Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật) trong dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025.

Do đó, đề nghị sửa đổi cơ cấu chi đầu tư phát triển tại các mẫu biểu liên quan đến chi đầu tư phát triển ban hành kèm theo Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14, theo đó bỏ nội dung "*Các khoản đầu tư chung*".

1.2. Đối với chi chương trình mục tiêu quốc gia

Tại các mẫu biểu liên quan đến chi Chương trình mục tiêu quốc gia ban hành kèm theo Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14: Chi chương trình mục tiêu quốc gia hiện đang trình bày thuộc nội dung chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực.

Theo quy định tại Điều 60 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, Chính phủ trình Quốc hội xem xét, quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn bao gồm các nội dung: "*c) Tổng mức vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực, dự kiến mức phân bổ cho từng Bộ, cơ quan trung ương và mức vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng địa phương; d) Danh mục và mức vốn của các dự án quan trọng quốc gia, chương trình mục tiêu quốc gia*". Theo quy định trên, Chính phủ sẽ trình Quốc hội danh mục và mức vốn của các chương trình mục tiêu quốc gia thành 01 mục riêng.

Do đó, đề nghị sửa đổi các mẫu biểu liên quan đến chi đầu tư phát triển ban hành kèm theo Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 theo hướng tách chi đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia thành 01 mục riêng, không để trong mục chi đầu tư theo ngành, lĩnh vực.

1.3. Chính phủ trình Quốc hội quyết định chi đầu tư phát triển hằng năm chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực

Tại các mẫu biểu dự toán chi ngân sách hằng năm ban hành kèm theo Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14: Chính phủ trình Quốc hội quyết định chi đầu tư phát triển chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực.

Trong trường hợp Quốc hội quyết định chi đầu tư phát triển chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực thì việc đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong đó điều chỉnh vốn của từng ngành, lĩnh vực sẽ phải báo cáo lại Quốc hội xem xét, quyết định. Tuy nhiên, theo quy định tại Điều 67 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14, đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương, việc điều chỉnh thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu Bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh. Đây là một quy định mới, tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động cho các bộ, cơ quan trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh trong quá trình điều hành, triển khai nhằm đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công hằng năm. Đồng thời, thực tế trong những năm vừa qua, việc đề xuất điều chỉnh kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách trung ương của các bộ, cơ quan trung ương và địa phương trong đó điều chỉnh vốn giữa các ngành, lĩnh vực là rất nhiều và thường xuyên. Do đó, việc Chính phủ trình Quốc hội quyết định chi đầu tư phát triển chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực là chưa phù hợp với quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 cũng như thực tế triển khai kế hoạch đầu tư công hằng năm.

Do đó, đề nghị sửa đổi nội dung chi đầu tư phát triển tại các mẫu biểu dự toán chi ngân sách hằng năm ban hành kèm theo Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14, theo đó Chính phủ chỉ trình Quốc hội tổng số vốn đối với chi đầu tư theo ngành, lĩnh vực.

1.4 Đối với chi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và chi đầu tư phát triển khác

Tại các mẫu biểu dự toán chi ngân sách hằng năm ban hành kèm theo Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14: Chi đầu tư phát triển đang được trình bày bao gồm 3 nội dung: Chi đầu tư cho các dự án; Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh

ngành cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; Chi đầu tư phát triển khác.

Theo quy định của Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 nội dung "*chi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp*" không thuộc đối tượng đầu tư công. Tại dự thảo Nghị quyết ban hành nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng, đối với các nhiệm vụ, chương trình, dự án liên quan khác đang được Bộ Kế hoạch và Đầu tư liệt kê thuộc ngành, lĩnh vực thứ 13 (Các nhiệm vụ, chương trình, dự án khác theo quy định của pháp luật) trong dự thảo.

Do đó, đề nghị sửa đổi nội dung chi đầu tư phát triển tại các mẫu biểu dự toán chi ngân sách hằng năm ban hành kèm theo Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14, theo đó bỏ nội dung "*Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp*" và "*Chi đầu tư phát triển khác*".

2. Ý kiến tham gia cụ thể đối với nội dung của các mẫu biểu kèm theo dự thảo Nghị quyết

Đối với các mẫu biểu liên quan đến chi đầu tư phát triển kèm theo dự thảo Nghị quyết Bộ Kế hoạch và Đầu tư có ý kiến tham gia cụ thể như sau:

- Đề nghị sửa đổi các mẫu biểu số: 05,06,07,08,12,13,22,38,39,41,50.

(Chi tiết theo các mẫu biểu kèm theo công văn này).

Trên đây là ý kiến tham gia vào dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội kèm theo văn bản số 1010/BTC-NSNN ngày 03 tháng 02 năm 2020 của Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư gửi Quý Bộ nghiên cứu, tổng hợp./

Nơi nhận:

- Như trên;
- VPCP (để b/c);
- Bộ trưởng Nguyễn Chí Dũng (để b/c);
- Lưu: VT, Vụ TH. Q5

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Trần Quốc Phương

DỰ KIẾN PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...

Đơn vị: Triệu Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...			DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	TW	ĐP	TỔNG SỐ	TW	ĐP	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	TỔNG SỐ							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
I	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHUNG							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
1.1	Nhiệm vụ ...							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
1.2	Nhiệm vụ ...							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG							
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							

STT	NỘI DUNG	NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...			DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	TW	ĐP	TỔNG SỐ	TW	ĐP	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
a 1	Chương trình mục tiêu quốc gia ...							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
b 2	Chương trình mục tiêu quốc gia ...							
	<i>Phân loại như trên</i>							
...	...							
2.2	Các chương trình mục tiêu							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
a	Chương trình mục tiêu ...							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
b	Chương trình mục tiêu ...							
	<i>Phân loại như trên</i>							
...	...							
I	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
I	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC							
1.1	Ngành, lĩnh vực							
1.2	Ngành, lĩnh vực							
..	..							
2	CHI ĐẦU TƯ CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA							

STT	NỘI DUNG	NHU CẦU KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...			DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...			GHI CHÚ
		TỔNG SỐ	TW	ĐP	TỔNG SỐ	TW	ĐP	
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
2.1	Chương trình mục tiêu quốc gia ...							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
2.2	Chương trình mục tiêu quốc gia ...							
	<i>Trong đó:</i>							
	- <i>Vốn trong nước</i>							
	- <i>Vốn nước ngoài</i>							
II	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
	<i>Phân loại như ngân sách trung ương</i>							
III	DỰ PHÒNG THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG							
	<i>Vốn trong nước</i>							
	<i>Vốn nước ngoài</i>							
1	NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG							
	<i>Vốn trong nước</i>							
	<i>Vốn nước ngoài</i>							
2	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG							
	<i>Vốn trong nước</i>							
	<i>Vốn nước ngoài</i>							

Ghi chú:

(1) Chưa bao gồm chi đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu tại điểm 2, mục II.

(2) Tổng hàng ứng với số bất chi (nếu có) = giá trị hàng ứng với số bất chi (nếu có)

**TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
CỦA CÁC BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 5 NĂM ...**

MẪU BIỂU SỐ 06

Đơn vị: Triệu Tỷ đồng

STT	BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG VÀ ĐỊA PHƯƠNG	TỔNG SỐ	TRONG NƯỚC										TRONG ĐÓ									
			VỐN TRONG NƯỚC					TRONG ĐÓ					VỐN TRONG NƯỚC					TRONG ĐÓ				
			NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG					NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG					NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
			TRONG ĐÓ		TRONG ĐÓ			TRONG ĐÓ		TRONG ĐÓ			TRONG ĐÓ		TRONG ĐÓ			TRONG ĐÓ		TRONG ĐÓ		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19		
TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		CÁC KHỐI ĐẦU TƯ CHÍNH	TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		CÁC CHỨC NĂNG	TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		CÁC KHỐI ĐẦU TƯ CHÍNH	TỔNG SỐ		TỔNG SỐ		CÁC CHỨC NĂNG	TỔNG SỐ		
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG		CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		
1	Bộ, cơ quan trung ương ...	1	Bộ, cơ quan trung ương ...		ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		
2	Bộ, cơ quan trung ương ...	2	Bộ, cơ quan trung ương ...		ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		
...		ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		
...		ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		
...		ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		
...		ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		ĐẦU TƯ THEO TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA			ĐẦU TƯ THEO NGÀNH, LĨNH VỰC		
<p><i>CHÚ THÍCH: 1. Bộ, cơ quan trung ương và số bộ, cơ quan (địa phương) - gửi kèm theo hồ sơ và số bộ, cơ quan (địa phương)</i></p>																						

MẪU BIỂU SỐ 07

CHI TIẾT DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN TỪ NĂM N⁽¹⁾ ĐẾN NĂM (N+4) VỐN ...⁽²⁾

Đơn vị: Triệu Tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)		Giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)								Ghi chú		
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...	Trong đó: vốn ...				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...					Tổng số	Trong đó: vốn ...	Trong đó: vốn ...	Trong đó: vốn ...		Trong đó: vốn ...	Trong đó: vốn ...			
1	TỔNG SỐ	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17		
	BỘ, NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG																		
	NGÀNH, LĨNH VỰC/ CHƯ/ONG TRÌNH MỨC TIÊU QUỐC GIA																		
1	Chuẩn bị đầu tư																		
(1)	Dự án ...																		
...																		
2	Thực hiện dự án																		
2.1	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn từ năm (N-1) sang giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)																		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư				Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)		Giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)					Ghi chú					
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...	Trong đó: vốn ...		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: vốn ...		Trong đó: vốn ...				
a)	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng đến ngày 31 tháng 12 năm (N-1)																		
(1)	Dự án ...																		
...																		
b)	Dự án chuyển tiếp sang giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)																		
	- Dự án dự kiến hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trong giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)																		
(1)	Dự án ...																		
...																		
	- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm (N+4)																		
(1)	Dự án ...																		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư				Lấy kế vốn bổ trí từ khởi công đến hết năm (N-1)		Giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)						Ghi chú				
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...	Trong đó: vốn ...		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...						
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...					Tổng số	Trong đó		Trong đó: vốn ...	Trong đó					
...																		
2.2	Dự án khởi công mới trong giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)																		
a)	- Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)																		
(1)	Dự án ...																		
...																		
b)	- Dự án dự kiến hoàn thành sau năm (N+4)																		
(1)	Dự án ...																		
...																		
II	NGÀNH, LĨNH VỰC/ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA																		
	Phân loại như mục I																		

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Quyết định đầu tư			Lũy kế vốn bố trí từ khởi công đến hết năm (N-1)		Giai đoạn từ năm N đến năm (N+4)				Ghi chú			
			Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: nguồn vốn	Trong đó: vốn ...		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn ...				
				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn ...			Tổng số các nguồn vốn	Trong đó: vốn ...						
...													
	BỘ, NGÀNH/ĐỊA PHƯƠNG														
	Phân loại như trên														
...														

Ghi chú:

(1) N là năm bắt đầu của kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn tiếp theo

(2) Đề nghị báo cáo vốn ngân sách trung ương trong nước và vốn cân đối ngân sách địa phương; mỗi nguồn vốn tách ra báo cáo thành một biểu riêng

DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

Đơn vị: Triệu Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N-1	DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N (1)	SỐ SÁNH DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N/DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NĂM N-1 (%)	DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH NĂM N+1	DỰ KIẾN CHI NGÂN SÁCH NĂM N+2
A	B	1	2	3=2/1	4	5
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG					
A	BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
B	CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC					
I	Chi đầu tư phát triển					
1	Chi đầu tư cho các dự án Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực					
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>- Chi chương trình mục tiêu quốc gia</i>					
	<i>- Chi chương trình mục tiêu</i>					
	<i>- Chi đầu tư các dự án quan trọng quốc gia</i>					
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi đầu tư phát triển khác					
II	Chi dự trữ quốc gia					
III	Chi trả nợ lãi					
IV	Chi viện trợ					
V	Chi thường xuyên					
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>- Chi chương trình mục tiêu quốc gia</i>					
	<i>- Chi chương trình mục tiêu</i>					
VI	Chi cải cách tiền lương					
VII	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
VIII	Dự phòng NSNN					
IX	Các nhiệm vụ chi khác					

Ghi chú:

(1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 03 NĂM ...

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM N-1		KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN ...		
		DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NĂM N (1)	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
A	B	1	2	3	4	5
	TỔNG SỐ					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
I	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ CHUNG					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
1	Nhiệm vụ ...					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
2	Nhiệm vụ ...					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
...	...					
II	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THEO NGÀNH, LĨNH VỰC VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
1	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NSTW VÀ NSDP-BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG					
1.1	Ngân sách Trung ương (2)					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM N-1		KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN ...		
		DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NĂM N (1)	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
A	B	1	2	3	4	5
1.1	Ngành, lĩnh vực ...					
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Các Chương trình mục tiêu quốc gia</i>					
	<i>Các dự án quan trọng quốc gia</i>					
1.2	Ngành, lĩnh vực ...					
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Các Chương trình mục tiêu quốc gia</i>					
	<i>Các dự án quan trọng quốc gia</i>					
...	...					
2	NSTW BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NSDP					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
2.1	Ngành, lĩnh vực ...					
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Các Chương trình mục tiêu quốc gia</i>					
	<i>Các dự án quan trọng quốc gia</i>					
2.2	Ngành, lĩnh vực ...					
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Các Chương trình mục tiêu quốc gia</i>					
	<i>Các dự án quan trọng quốc gia</i>					
...	...					
1.2	Ngân sách địa phương (3)					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất</i>					
	- <i>Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>					
	- <i>Vốn cân đối địa phương theo tiêu chí, định mức</i>					
	- <i>Bội thu/ bội chi ngân sách địa phương</i>					
2-II	CHI ĐẦU TƯ CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU					

STT	NỘI DUNG	KẾ HOẠCH NĂM N-1		KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN ...		
		DỰ TOÁN NĂM N-1	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM N-1	DỰ TOÁN NĂM N (1)	DỰ KIẾN NĂM N+1	DỰ KIẾN NĂM N+2
A	B	1	2	3	4	5
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
2.1	Các chương trình mục tiêu Quốc gia					
	<i>Trong đó:</i>					
	<i>Vốn trong nước</i>					
	<i>Vốn nước ngoài</i>					
a-1	Chương trình mục tiêu quốc gia ...					
	<i>Trong đó:</i>					
	- <i>Vốn trong nước</i>					
	- <i>Vốn nước ngoài</i>					
b-2	Chương trình mục tiêu quốc gia ...					
	<i>Phân loại như trên</i>					
...	...					
2.2	Các chương trình mục tiêu					
III	DỰ PHÒNG THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT ĐẦU TƯ CÔNG					
	<i>Vốn trong nước</i>					
	<i>Vốn nước ngoài</i>					

Ghi chú:

(1) Năm N là năm dự toán ngân sách; theo đó, các năm N-1, N+1 và N+2 là năm trước, năm sau và năm sau nữa của năm dự toán ngân sách

(2) Chưa bao gồm chi đầu tư cho các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình mục tiêu tại điểm 2, mục II.

(3) Tăng tương ứng với số bội chi (nếu có); giảm tương ứng với số bội thu (nếu có)

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CƠ CẤU CHI NĂM ...

Đơn vị: Triệu Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM ...	DỰ TOÁN NĂM...	SỐ SÁNH DỰ TOÁN NĂM.../DỰ TOÁN NĂM ... (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSNN			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư cho các dự án Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	Chi khoa học và công nghệ			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi dự trữ quốc gia			
III	Chi trả nợ lãi			
IV	Chi viện trợ			
V	Chi thường xuyên			
	<i>Trong đó:</i>			
	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	Chi khoa học và công nghệ			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VII	Dự phòng NSNN			
VIII	Các nhiệm vụ chi khác			

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC, CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG VÀ CHI
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM ...**

Đơn vị: Triệu Tỷ đồng

SỐ TT	NỘI DUNG	NSNN	CHIA RA	
			NSTW	NSDP
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSNN			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư cho các dự án Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp			
3	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi dự trữ quốc gia			
III	Chi trả nợ lãi			
IV	Chi viện trợ			
V	Chi thường xuyên			
	<i>Trong đó:</i>			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VII	Dự phòng NSNN			
VIII	Các nhiệm vụ chi khác			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM...

Đơn vị: Triệu Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
	TỔNG CHI NSTW	
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NSDP	
B	CHI NSTW THEO LĨNH VỰC	
I	Chi đầu tư phát triển	
1	Chi đầu tư cho các dự án Chi đầu tư phát triển theo ngành, lĩnh vực	
1.1	Chi quốc phòng	
1.2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
1.3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.4	Chi khoa học và công nghệ	
1.5	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.6	Chi văn hóa thông tin	
1.7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.8	Chi thể dục thể thao	
1.9	Chi bảo vệ môi trường	
1.10	Chi các hoạt động kinh tế	
1.11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.12	Chi bảo đảm xã hội	
1.13	Chi đầu tư khác	
2	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp	
3	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi dự trữ quốc gia	
III	Chi trả nợ lãi	
IV	Chi viện trợ	
V	Chi thường xuyên	
1	Chi quốc phòng	
2	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
3	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
4	Chi khoa học và công nghệ	
5	Chi y tế, dân số và gia đình	
6	Chi văn hóa thông tin	
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
8	Chi thể dục thể thao	
9	Chi bảo vệ môi trường	
10	Chi các hoạt động kinh tế	
11	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
12	Chi bảo đảm xã hội	
13	Chi thường xuyên khác	
VI	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
VII	Dự phòng ngân sách	
VIII	Các nhiệm vụ chi khác	

